**B1-2-TMĐT**

# THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ[1]

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1** | **Tên đề tài**<br>Xác lập quyền chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm. | **2** | **Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)* |
| **3** | **Thời gian thực hiện:** 24 tháng<br>(Từ tháng 04 /2012 đến tháng 04/2014 | **4** | **Cấp quản lý**<br>Nhà nước ☐ Bộ ☐<br>Tỉnh ☒ Cơ sở ☐ |

**5 Kinh phí**

| Nguồn | Tổng số (triệu đồng) |
|---|---|
| - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học | |
| - Từ nguồn tự có của tổ chức | |
| - Từ nguồn khác | |

**6** ☐ **Thuộc Chương trình** (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), **Mã số:**
☐ **Thuộc dự án KH&CN;**
☒ **Đề tài độc lập**;

**7 Lĩnh vực khoa học**

☐ Tự nhiên; ☒ Nông, lâm, ngư nghiệp;
☐ Kỹ thuật và công nghệ; ☐ Y dược.

**8 Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên: Nguyễn Thị Huệ

Ngày, tháng, năm sinh: 20/01/1958 Nam/ Nữ: Nữ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai

ĐTCQ: 0613. 822297 Mobile: 0918.016.368

[1] Bản Thuyết minh này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Fax: 0613. 825585 E-mail: huekhcn@yahoo.com

Tên tổ chức đang công tác: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai

Địa chỉ tổ chức: 1597, Phạm Văn Thuận, P.Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ nhà riêng: .....

**9 Thư ký đề tài**

Họ và tên: Giang Vũ Văn

Ngày, tháng, năm sinh: 28/03/1982 Nam/ Nữ: Nam

Học hàm, học vị: Kỹ Sư

Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ

ĐTNR: 061.3842295 ĐTCQ: 0613. 821082-8182 DĐ: 0913142649

Fax: 0613. 825585 E-mail: vuvan2828@yahoo.com

Tên tổ chức đang công tác: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai

Địa chỉ tổ chức:1597, Phạm Văn Thuận, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ nhà riêng: .....

**10 Tổ chức chủ trì đề tài**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: **Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ**

Điện thoại: 0613.826769 Fax: 0613.817350

E-mail: udc@dost-dongnai.gov.vn

Địa chỉ: 1597 Phạm Văn Thuận, phường Thống nhất, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Huỳnh Minh Hậu

Tên cơ quan chủ quản đề tài: **Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai**

Địa chỉ: 260, Phạm Văn Thuận, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0613. 822297 – 3822268 Fax: 0613. 825585

**11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** (nếu có)

1. **Tổ chức** : TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐẤT, PHÂN BÓN VÀ MÔI TRƯỜNG PHÍA NAM

Tên cơ quan chủ quản: Viện Thổ nhưỡng Nông hóa – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Điện thoại: 08. 38215401 , 08. 39142770 Fax: 08. 38291775

Địa chỉ: Lầu 3, số 12, Võ Văn Kiệt (37, Bến Chương Dương cũ), Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Đăng Nghĩa

Số tài khoản: 170031100900191

Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh 2A, Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**12 Các cán bộ thực hiện đề tài**

| | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho đề tài** (Số tháng quy đổi[2]) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Huệ | Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai | Chủ nhiệm đề tài<br>Điều hành hoạt động của đề tài<br>Hoàn chỉnh các báo cáo | 24 |
| 2 | Giang Vũ Văn | Sở Khoa học và Công nghệ | Thư ký<br>Hỗ trợ chủ nhiệm, tổ chức công việc theo kế hoạch và chương trình<br>Tham gia dự thảo 1 số chuyên đề, báo cáo | 12 |
| 3 | ThS. Nguyễn Bích Thu | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam | - Xây dựng kế hoạch và nội dung thực hiện<br>- Khảo sát hiện trạng trồng chôm chôm<br>- Viết các báo cáo chuyên đề đất và cây trồng | 16 |
| 4 | KS.Lê Minh Châu | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam | - Khảo sát lấy mẫu đất và mẫu quả<br>- Phân tích tính chất đất, mô tả hình thái và chất lượng quả chôm chôm<br>- Xây dựng các loại bản đồ chuyên đề<br>- Xử lý số liệu thống kê, phân tích tương quan | 12 |

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm *22* ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Viết báo cáo chuyên đề | |
| 5 | KS. Nghiệp Quốc Vương | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam | - Khảo sát lấy mẫu đất và mẫu quả<br>- Phân tích tính chất đất, mô tả hình thái và chất lượng quả chôm chôm<br>- Xây dựng các loại bản đồ chuyên đề<br>- Viết báo cáo chuyên đề | 7 |
| 6 | Ths.Trương Xuân Cường | Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | - Khảo sát, lấy mẫu ngoài hiện trường<br>- Phân loại đất | 3 |
| 7 | Ths. Nguyễn Văn Ga | Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | - Khảo sát, lấy mẫu ngoài hiện trường<br>- Phân loại đất | 3 |
| 8 | Trần Mộng Thành | UBND thị xã Long Khánh | Phối hợp cung cấp, thu thập thông tin và tham gia các nội dung liên quan đến quản lý CDĐL | 03 |
| 9 | Nguyễn Hòa Hiệp | UBND Thống Nhất | Phối hợp cung cấp, thu thập thông tin và tham gia các nội dung liên quan đến quản lý CDĐL | 03 |
| 10 | Trần Anh Tuấn | UBND Xuân Lộc | Phối hợp cung cấp, thu thập thông tin và tham gia các nội dung liên quan đến quản lý CDĐL | 03 |
| 11 | Nguyễn Văn Thuận | UBND Cẩm Mỹ | Phối hợp cung cấp, thu thập thông tin và tham gia các nội dung liên quan đến quản lý CDĐL | 03 |
| 12 | Trương Văn Trai | Sở Khoa học và Công nghệ | Tham gia dự thảo 1 số chuyên đề, báo cáo | 06 |

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**13 Mục tiêu của đề tài**

**Mục tiêu chung:**

- Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" cho sản phẩm chôm chôm tại thị xã Long Khánh, các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ.

- Góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cho sản phẩm chôm chôm Long Khánh trên thị trường trong và ngoài nước.

**Mục tiêu cụ thể:**

- Xây dựng vùng chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" cho sản phẩm chôm chôm vùng nghiên cứu.

- Xây dựng hệ thống văn bản làm căn cứ cho hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" cho sản phẩm chôm chôm.

**14 Tình trạng đề tài**

☒ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**15 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của Đề tài**

**15.1** ***Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của Đề tài***

**15.1.1. Ngoài nước**

Thuật ngữ Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) mà hiện nay đang sử dụng có lịch sử phát triển lâu dài mà ban đầu được gọi là "*xác định đặc điểm của sản phẩm vùng*". Người Ai Cập cổ đại, sử dụng địa danh vùng để làm dấu hiệu cho chất lượng sản phẩm của họ. Ở thời Trung cổ, người Châu Âu đã có các phường hội và đặt tên cho sản phẩm của họ, đảm bảo tính độc quyền sản phẩm trên thị trường và bảo vệ hợp pháp những người sản xuất. Lợi thế cạnh tranh trong thương mại của một sản phẩm so với sản phẩm khác chủ yếu là nhờ vào những đặc tính và chất lượng riêng biệt mà các điều kiện địa lý như khí hậu và địa chất của các khu vực địa lý mang lại. Các vùng địa lý với các địa danh nổi tiếng đã mang lại lợi thế cho các sản phẩm cùng loại như pho mát Roquefort, rượu vang Bordeaux của Pháp, pha lê Bohemia của Cộng hoà Séc, xúc xích Frankfurter của Đức, Oliu vùng Kalamata của Hy Lạp, thịt bò Scotland... Tên gọi của sản phẩm thường gắn liền với nguồn gốc, xuất xứ. Chẳng hạn các sản phẩm pho-mát ở thời kỳ này với nhiều tên gọi khác nhau như: Parmigiano Reggiano ở Ý, Edam ở Hà Lan hay Comte và Gruyere ở Pháp (*Theo Petre van de Kop, Denis Sautier et al. 2006).*

Ở thế kỉ 19, một số luật bảo vệ hàng hoá về quyền Sở hữu trí tuệ có liên quan đến tên gọi Nguồn gốc nhãn hiệu, Chỉ dẫn địa lý... chính thức được thông qua tại Châu Âu. Đến năm 1857, Luật Nhãn hiệu hàng hoá được ban hành đầu tiên tại Pháp. Tiếp theo Pháp, các nước khác đã lần lượt ban hành Bộ luật Nhãn hiệu hàng hoá của mình như Ý (1868), Bỉ (1879),

Mỹ (1881), Anh (1883), Đức (1894), Nga (1896) [7].

Từ thế kỷ 20 đến nay, cùng với tiến trình toàn cầu hoá về kinh tế và tự do hóa về thương mại, các quốc gia trên thế giới ngày càng quan tâm hơn tới việc đưa các sản phẩm của mình thâm nhập vào thị trường của các nước khác thông qua việc sử dụng chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, do những lợi ích to lớn về thương mại mà chỉ dẫn địa lý mang lại cho người sử dụng, các chủ thể khác, vì mục đích lợi nhuận có thể sẵn sàng tìm mọi cách để lợi dụng danh tiếng và uy tín đó, gây thiệt hại đáng kể cho các quốc gia sở hữu chỉ dẫn địa lý. Vì vậy, nhu cầu về tăng cường bảo hộ các chỉ dẫn địa lý trong thương mại thông qua các điều ước quốc tế được các quốc gia đặc biệt chú ý. Sự ra đời vào năm 1994 của Hiệp định về những khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ năm 1994 (gọi tắt là Hiệp định TRIPs) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) là nhu cầu tất yếu của quá trình phát triển thương mại trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu. Hiệp định TRIPs đã thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu quy định về bảo hộ và thực thi quyền Sở hữu trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng với mong muốn làm giảm bớt những lệch lạc và những trở ngại trong hoạt động thương mại quốc tế. Đây chính là cơ sở pháp lý, là chuẩn mực cho hoạt động bảo hộ chỉ dẫn địa lý dưới góc độ thương mại diễn ra.

Hiện nay, các nghiên cứu về chỉ dẫn địa lý và bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã được quan tâm nhiều hơn. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu phổ biến dưới dạng bài tham luận, hội thảo hoặc các ý kiến tranh luận trong khuôn khổ của Hiệp định TRIPs. Chỉ có một số sách chuyên khảo, nghiên cứu dưới góc độ pháp luật thuần tuý như:

- Bernard O'Connor ( 2001), The law of Geographical Indications, Cameron;

- Lathar R Nail & Rajendra Kumar (2005), Geographical Indications: A search for Indentity, Lexis Nexis Butterworths;

- Louis Gilbert (2001), Qualité et Origine des produits agricoles et alimentaires.

Một số sách nghiên cứu về chỉ dẫn địa lý dưới góc độ thương mại còn rất ít, chỉ có một số nghiên cứu nhỏ về tác động của bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Châu Âu, Châu Phi và một số các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD) như :

- Rangnekar Dwijen (2003), The social economic of Geographic Indications: the review of empirical of evidence from Europe, UNCTAD/ICTSD;

- OECD (2000), Appellations d'Origine et Indications géographiques dans les pays membres de l'OECD : implications économiques et juridiques, COM/AGR/APM/TD/WP (2000)15/FINA;

- Sophie Reviron (2009), Geographical Indications: Creation and distribution of economic value in developing countries, Swiss National Center of Competence in Research;

- Liebenberg, GF và Groeneward, JA (1997), Demand and Supply Elasticities of Agricultural Products: A compilation of South African Estimates, Agricultural Research Council, Pretoria [South Africa].

Tại Cộng đồng Châu Âu như Pháp, Bồ Đào Nha, Thụy Sĩ, quy trình xây dựng chỉ dẫn

địa lý tương đối phức tạp nhưng chặt chẽ. Khi một sản phẩm đăng ký chỉ dẫn địa lý cần phải thực hiện một số nội dung cơ bản gồm:

- Xác định nhu cầu xây dựng chỉ dẫn địa lý: Xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau tùy thuộc vào mỗi địa phương, mỗi loại sản phẩm như : cơ chế, chính sách; bảo tồn và phát triển những yếu tố văn hóa, lịch sử lâu đời; hiện tượng gian lận thương mại, v.v…

- Khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy các chủ thể liên quan chuẩn bị các điều kiện nhằm xây dựng chỉ dẫn địa lý. Đây là một trong những nội dung quan trọng và có ảnh hưởng quyết định đến sự thành công của việc xây dựng chỉ dẫn địa lý. Cần phải xác định chủ thể nào đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình xây dựng chỉ dẫn địa lý (nhà sản xuất sản phẩm, nhà kinh doanh, chuyên gia, nhà nước, v.v…).

- Tiến hành các hoạt động đăng ký chỉ dẫn địa lý như xác định đặc thù sản phẩm, đặc thù về địa danh, xây dựng bản mô tả, tên gọi, v.v…

- Quy trình xem xét đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý: Tùy thuộc vào mỗi nước, quy trình xem xét là khác nhau. Cụ thể:

**(i) Pháp:**

Việc đăng ký hay sửa đổi một chỉ dẫn địa lý đều được xử lý tại INAO. Thông qua tham khảo ý kiến của INAO, người nộp đơn phải chuẩn bị Hồ sơ đơn trong đó phải nêu được:

- Mục đích, lý do đăng ký chỉ dẫn địa lý;
- Minh chứng về danh tiếng của sản phẩm;
- Minh chứng về mối liên hệ giữa sản phẩm và các điều kiện tự nhiên, kỹ thuật, con người mà mang lại chất lượng đặc thù cho sản phẩm;
- Giá trị kinh tế, tài chính của sản phẩm.

Quy trình xử lý Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý như sau:

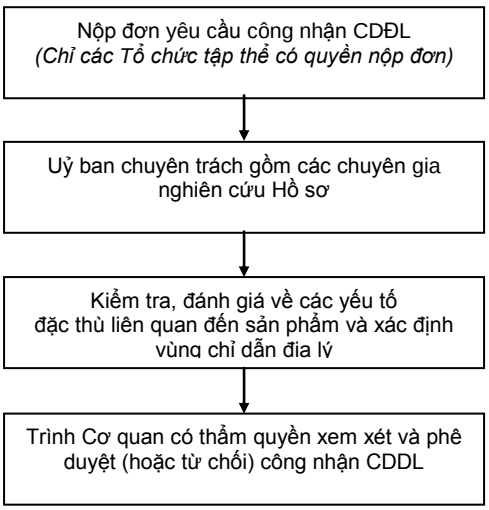


**(ii) Thụy Sĩ:**

Đơn đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý do Tổ chức tập thể của các nhà sản xuất nộp tại

Văn phòng Nông nghiệp Liên bang Thụy Sĩ *(OFAG).*

Trong đơn đăng ký, người nộp đơn phải chỉ ra được sản phẩm của mình, mô tả phương thức sản xuất, xác định vùng địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý, đồng thời phải làm rõ được mối liên hệ giữa sản phẩm và khu vực địa lý liên quan. Đồng thời, phải có được chứng nhận của tổ chức chứng nhận độc lập về quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm.

Quy trình xem xét đơn như sau:

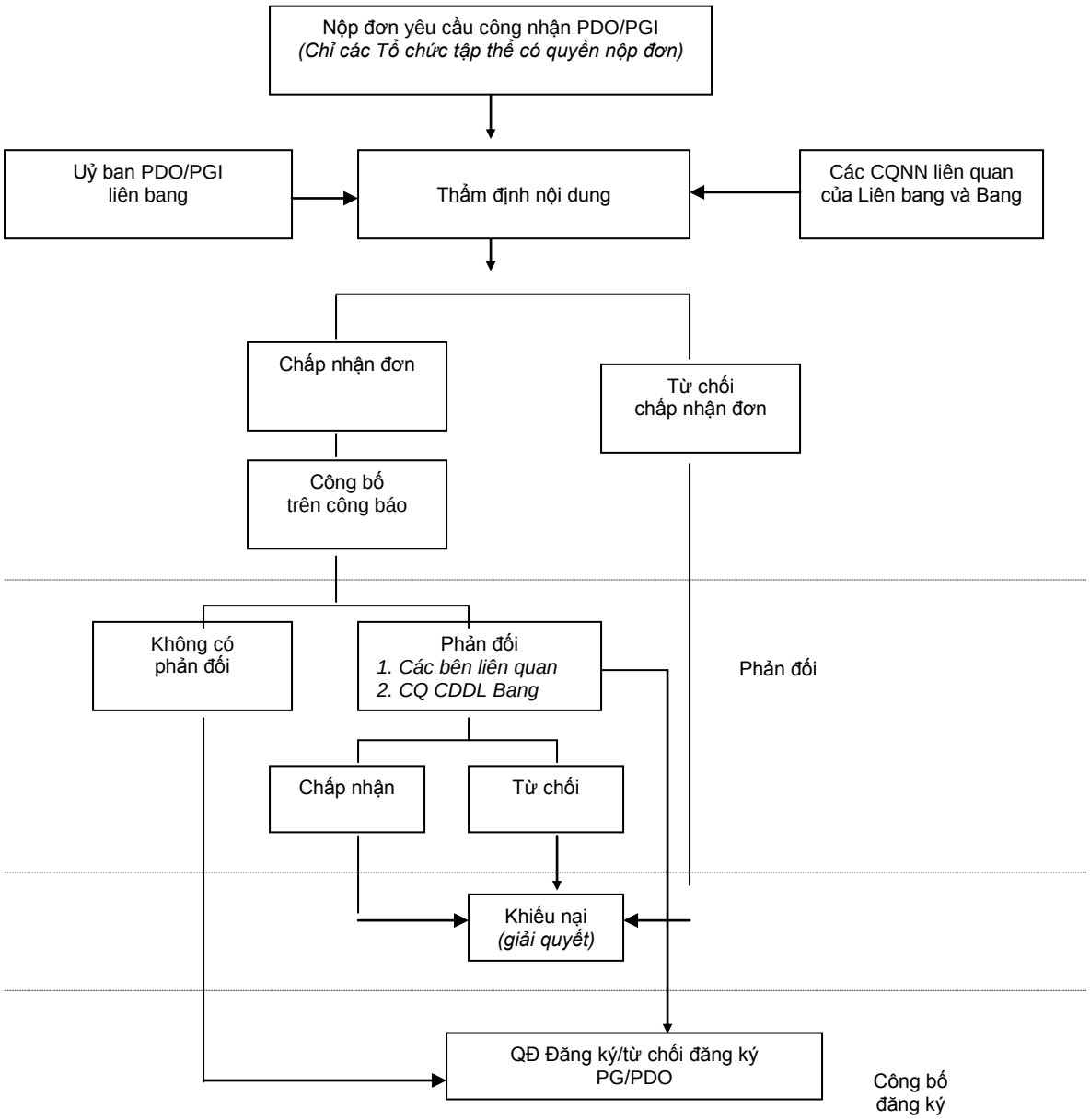

**(iii) Bồ Đào Nha:**

- Đối với các chỉ dẫn địa lý được đăng ký theo Điều luật EC 2081/92, cơ quan có thẩm quyền xử lý đơn là Bộ Nông nghiệp, Phát triển nông thôn và Nghề cá.

- Đối với các chỉ dẫn địa lý được đăng ký không theo phạm vi điều chỉnh của Điều luật trên thì cơ quan có thẩm quyền xử lý là Cơ quan Sở hữu trí tuệ Bồ Đào Nha.

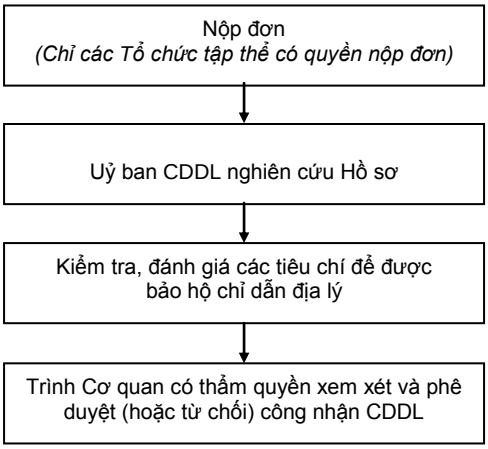


Kết quả cho thấy, những sản phẩm được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã nâng cao giá trị canh tranh trên thị trường nước ngoài. Chẳng hạn như ở Pháp, khoảng 80% rượu xuất khẩu là sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý; trong số 5,4 tỷ Euro kim ngạch xuất khẩu rượu mạnh của Châu Âu thì có đến 3,5 tỷ thu được từ sản phẩm mang Chỉ dẫn địa lý (*theo ông Stéphane Passeri, Giám đốc chương trình hợp tác quyền SHTT EC – ASEAN*). Các số liệu điều tra khác cho thấy: sản phẩm có bảo hộ CDĐL khác như: pho – mát Pháp (giá cao hơn 30%), dầu Toscano Italia (cao hơn 20%), rượu Pháp (cao hơn 230%) so với sản phẩm cùng loại không có bảo hộ CDĐL.

### 15.1.2. Trong nước

**a. Tình hình xây dựng Chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam:**

Trước năm 1995, nước ta hầu như không có văn bản quy định về xây dựng và phát triển Chỉ dẫn địa lý. Sau năm 1995, các nội dung về Chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ được đề cập đến trong văn bản pháp luật nhưng số lượng không nhiều. Đầu tiên, Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/10/1995 đã đề cập đến các khái niệm về sở hữu công nghiệp là: sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích, ***tên gọi xuất xứ***. Kế đến các văn bản như:

+ Nghị định 63/CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 24/10/1996 và được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001, quy định các đối tượng và xác lập về quyền sở hữu các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, , ***tên gọi xuất xứ*** (TGXX) hàng hóa.

+ Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31/12/1996 của Bộ KH & CN hướng dẫn thi hành Nghị định 63/CP của Thủ tướng chính phủ về thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

+ Nghị định 54/2000/NĐ-CP ngày 03/10/2000 của Chính phủ về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh, **chỉ dẫn địa lý (CDĐL)**, tên thương mại và bảo hộ

quyền chống cạnh tranh không lành mạnh

+ Nghị định số 54/2000/NĐ-CP về việc ***bảo hộ chỉ dẫn địa lý*** đã được quy định ngày 03 tháng 10 năm 2000. Tại Điều 10 Nghị định quy định: Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là những *thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hoá*.

Từ khi Quốc Hội ban hành ***Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005*** quy định điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm địa phương, nhiều đặc sản danh tiếng trong đó có sản phẩm nông sản đã lần lượt tiến hành đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Việc xác định chỉ dẫn là một công việc hết sức phức tạp, khó khăn, đòi hỏi nguồn dữ liệu đầu vào đầy đủ, số liệu tương đối mới và cập nhật thường xuyên . Nguồn dữ liệu này liên quan đến nhiều ngành như địa chất, thủy văn, khí hậu, thổ nhưỡng, trồng trọt, …

Ở nước ta vấn đề xây dựng và bảo hộ thương hiệu sản phẩm dưới dạng CDĐL là vấn đề còn khá mới cả về lý luận và thực tiễn. Một số đề tài nghiên cứu khoa học, luận án về sở hữu trí tuệ nói chung, chủ yếu tập khai thác các vấn đề quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, phương pháp xác định cơ sở khoa học cho sản phẩm để chỉ dẫn địa lý còn rất hạn chế. Hiện nay, các Viện nghiên cứu, các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương đã và đang tích cực tìm hiểu và xúc tiến xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc sản, truyền thống có được thương hiệu, đảm bảo về chất lượng và cạnh tranh với những sản phẩm danh tiếng khác trong và ngoài nước.

Năm 2008, luận án tiến sĩ của Vũ Hải Yến "Bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế" nghiên cứu vấn đề bảo hộ chỉ dẫn địa lý dưới góc độ pháp luật. Nội dung luận án tập trung chủ yếu vào vấn đề xác lập và bảo vệ chỉ dẫn địa lý, chưa phân tích khía cạnh thương mại của bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) đối với chỉ dẫn địa lý.

Năm 2002, đề tài nghiên cứu khoa học (Bộ Công thương) có tiêu đề "Các giải pháp chủ yếu nhằm khai thác và bảo vệ quyền SHCN liên quan đến thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế". Nghiên cứu xoay quanh vấn đề xác lập quyền SHCN, chưa phân tích nội dung khai thác quyền SHCN dưới góc độ thương mại.

Năm 2005, đề tài nghiên cứu khoa học (Bộ công thương) "Chỉ dẫn địa lý: các khía cạnh thương mại trong xuất khẩu" nghiên cứu vấn đề này dưới góc độ thương mại. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ giới hạn ở hoạt động xuất khẩu các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Đề tài xem chỉ dẫn địa lý như một đối tượng của hoạt động ngoại thương. Các vấn đề lý luận về quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý chưa được nghiên cứu.

Đáng kể nhất là những đề tài nghiên cứu, dự án xây dựng cơ sở khoa học và lý luận thực tiễn của Viện Thổ nhưỡng Nông hóa. Đây là một trong những đơn vị tiên phong trong việc xây dựng chỉ dẫn địa lý cho một số loại nông sản tại địa phương, chủ yếu là khu vực phía Bắc. Các nhà khoa học Viện Thổ nhưỡng Nông hóa đã phối hợp cùng Cục Sở hữu Trí tuệ và các Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ, Nghệ An, Bắc Giang, Cao Bằng, Ninh Thuận, Sơn La,… thực hiện nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học phục vụ đăng ký chỉ dẫn địa lý. Đến nay, Viện đã xây dựng quy trình quản lý các loại cây gồm: bưởi Đoan Hùng, Cam Vinh [14], xoài Yên Châu [15], hạt dẻ Trùng Khánh [17], nho Ninh Thuận [16], quế Trà Mi. Bằng phương pháp xử lý số liệu thống kê, các nhà khoa học ngành thổ nhưỡng đã mô tả và xác định được đặc thù hình thái (hình dáng, màu sắc, hương vị, …); chất lượng nông sản; các

điều kiện tự nhiên (đất, độ dốc, tầng dày, chế độ tưới, lượng mưa, nhiệt độ, …); đặc thù về tác động con người (chế độ chăm sóc, bón phân, chế biến, thị trường, …). Kết quả nghiên cứu đã đề xuất vùng phù hợp đối với mặt hàng nông sản nhất định trên bản đồ.

Có thể nhắc tới một số sản phẩm đã được xây dựng chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam như sau:

- Chè Shan Tuyết Mộc Châu:

Sản phẩm chè Shan Tuyết Mộc Châu được tiến hành xây dựng thương hiệu từ năm 1998 với chủ thể trực tiếp là Công ty chè Mộc Châu. Năm 2001, chè Shan Tuyết Mộc Châu sau khi được bảo hộ Chỉ dẫn địa lý, diện tích chè được mở rộng thông qua hình thức trồng mới, tăng từ 520 ha đến 650 ha (2004). Giá trị sản phẩm tăng từ 20 – 30 % so với sản phẩm cùng loại chưa được bảo hộ. Hiện nay, sản phẩm công ty sản xuất tới đâu tiêu thụ hết tới đó. Đặc biệt, những quốc gia khó tính về chè như: Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản đã trở thành thị trường lớn của sản phẩm chè Mộc Châu.

- Vải thiều Lục Ngạn:

Năm 2004, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt đề án: "Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2005-2010" chú trọng đến sản phẩm vải thiều. Bằng phương pháp xử lý số liệu thống kê và ứng dụng kỹ thuật GIS, phương pháp chồng lớp thông tin: đất đai, tính chất đất, hiện trạng, lượng mưa, nhiệt độ, độ dốc, … đã xác định được tính chất đặc thù vùng trồng vải và khoanh vùng đề xuất trên bản đồ hội đủ tất cả các yếu tố từ điều kiện địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng và con người. Năm 2008, sản phẩm vải thiều Lục Ngạn đã được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp giấp phép đăng ký Chỉ dẫn địa lý với tổng diện tích xác định vùng đặc thù là 17.039,35 /18.069,3 ha đất đang trồng vải.

- Bưởi Đoan Hùng:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ phối hợp với Viện Thổ nhưỡng Nông hóa thực hiệ dự án: "Xác lập và quản lý quyền đối với chỉ dẫn địa lý "Đoan Hùng" cho sản phẩm bưởi của tỉnh Phú Thọ". Năm 2006, sản phẩm đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý với tổng diện tích là 1.630,45 ha. Trong đó, diện tích bưởi Sửu là 535,28 ha và bưởi Bằng Luân là 1.095,47 ha.

- Gạo tám xoan Hải Hậu:

Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là nơi nổi tiếng từ lâu với sản phẩm gạo Tám xoan. Gạo Tám được trồng ở vùng này có hạt trắng, cơm dẻo, mùi thơm và được người tiêu dùng trên cả nước ưa chuộng. Mặc dù đặc sản Tám xoan đã đưa Hải Hậu trở thành địa danh nổi tiếng, nhưng thời gian trước, người dân địa phương lại không mặn mà và tâm huyết với việc trồng và kinh doanh sản phẩm này, diện tích trồng lúa Tám xoan chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng diện tích lúa của cả huyện, của vùng sản xuất chính lúa Tám xoan. Nguyên nhân chủ yếu là người nông dân sản xuất đặc sản này không có lãi bằng các giống lúa mới cho năng suất cao như Tám tiêu, Tám ngố. Năm 2007, chỉ dẫn địa lý "Hải Hậu" cho sản phẩm gạo Tám xoan đã chính thức được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận bảo hộ. Với việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý, giá trị kinh tế của sản phẩm gạo Tám xoan mang chỉ dẫn địa lý "Hải Hậu" đã được nâng lên đáng kể: những hộ nông dân trước đây canh tác lúa Tám quy mô nhỏ đã gia nhập vào Hiệp hội, cùng tiến hành việc canh tác, chế biến lúa Tám theo 1 quy trình chuẩn. Người dân được hỗ trợ, hướng dẫn về kỹ thuật; sản phẩm được tiêu thụ theo kênh thị trường riêng, do đó, giá bán gạo cao hơn giá bán theo kênh phân phối tự do từ 3.000 – 4.000 đ/kg (cao hơn 15 – 20%). Nhờ đó, các giống lúa Tám truyền thống được bảo tồn và phát triển.

- Hạt tiêu Quảng Trị:

Vùng đất Quảng Trị có đặc thù về thổ nhưỡng là sản phẩm phong hóa của quá trình phun trào tạo nên vùng đất đỏ bazan đặc trưng. Đây là vùng đất tiềm năng và trọng điểm phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh nhất là cây công nghiệp như tiêu, cà phê. Với vùng sản xuất tiêu truyền thống, Việt Nam đứng hai trên thế giới về sản lượng và đứng đầu về xuất khẩu. Vì vậy, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã xây dựng dự án "Xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm tiêu hạt của tỉnh Quảng Trị" nhằm khẳng định thêm chất lượng của mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Gạo một bụi đỏ Bạc Liêu:

Tỉnh Bạc Liêu là một trong những tỉnh ven biển thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi với đường bờ biển dài hơn 56 km giáp Biển Đông, có hai vùng sinh thái mặn và ngọt phù hợp cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Với điều kiện đặc thù này, những sản phẩm nông sản sạch điển hình như lúa Một bụi đỏ, muối Bạc Liêu, tôm sinh thái và các mặt hàng thủy hải sản ... đã trở thành những mặt hàng xuất khẩu trọng điểm của tỉnh, có khả năng cạnh tranh với thị trường khu vực và thế giới. Năm 2008, Cục Sở hữu Trí tuệ đã công nhận quyền bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông sản gạo bụi đỏ Hồng Dân, đã giành được ưu thế canh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài. Kể từ đó, giá gạo bụi đỏ trên thị trường tăng 10 – 15% (khoảng 5.000 đồng/kg).

Tính đến ngày 10/08/2011, trên lãnh thổ nước ta đã có 27 sản phẩm được đăng ký Chỉ dẫn địa lý và được Nhà nước Việt Nam bảo hộ, trong đó có 24 sản phẩm trong nước và 3 sản phẩm nước ngoài (*Theo Cục Sở hữu trí tuệ, 2011)*.

Bảng 1: Chỉ dẫn địa lý sản phẩm của Việt Nam

| ***STT*** | ***Chỉ dẫn địa lý*** | ***Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý*** | ***Ngày đăng ký*** | ***Số đăng bạ*** |
|---|---|---|---|---|
| *1* | *Phú Quốc* | *nước mắm* | *01.06.2001* | *0001* |
| *2* | *Mộc Châu* | *chè shan tuyết* | *01.06.2001* | *0002* |
| *3* | *Buôn Mê Thuột* | *cà phê nhân* | *14.10.2005* | *0004* |
| *4* | *Đoan Hùng* | *bưởi quả* | *08.02.2006* | *00 5* |
| *5* | *Bình Thuận* | *thanh long* | *15.11.2006* | *0006* |
| *6* | *Lạng Sơn* | *Hồi* | *15.02.2007* | *0007* |
| *7* | *Thanh Hà* | *Vải thiều* | *25.05.2007* | *0009* |
| *8* | *Phan Thiết* | *nước mắm,* | *30.05.2007* | *0010* |
| *9* | *Hải Hậu* | *Gạo Tám xoan* | *31.05.2007* | *0011* |
| *10* | *Vinh* | *Quả cam* | *31.05.2007* | *0012* |
| *11* | *Tân Cương.* | *chè xanh* | *20. 9.2007* | *0013* |
| *12* | *Hồng Dân* | *Gạo một bụi đỏ* | | *0014* |
| *13* | *Lục Ngạn* | *Vải thiều* | *25.06.2008* | *0015* |
| *14* | *Hòa Lộc* | *Xoài Cát* | *03.09.2009* | *0016* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *15* | *Đại Hoàng* | *chuối Ngự* | *30 .09.2009* | *0017* |
| *16* | *Văn Yên* | *Quế vỏ* | *07.01.2010* | *0018* |
| *17* | *Hậu Lộc* | *Mắm tôm* | *25.06.2010* | *0019* |
| *18* | *Huế* | *Nón lá Huế* | *9.07.2010* | *0020* |
| *19* | *Bắc Kạn* | *Hồng không hạt* | *08.09.2010* | *0021* |
| *20* | *Phúc Trạch* | *Bưởi* | | *0022* |
| *21* | *Bảy Núi* | *Gạo Nàng Nhen thơm* | | *0025* |
| *22* | *Tiên Lãng* | *Thuốc lào* | | *0024* |
| *23* | *Trùng Khánh* | *Hạt dẻ* | | *0026* |
| *24* | *Bà Đen* | *Mãng cầu* | | *0027* |

Bảng 2: Chỉ dẫn địa lý sản phẩm của nước ngoài

| ***S T*** | ***Chỉ dẫn địa lý*** | ***Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý*** | ***Ngày đăng ký*** | ***Số đăng bạ*** | ***Nước xuất xứ*** |
|---|---|---|---|---|---|
| *25* | *Cognac* | *Rượu* | *13.05.2002* | *0003* | *Pháp* |
| *26* | *Pisco* | *Rượu* | *23.05.2007* | *0008* | *Peru* |
| *27* | *Scotch whisky* | *Rượu mạnh* | | *00023* | *Scốt-len* |

***(****Nguồn Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam, 2011)*

Tóm lại, từ kinh nghiệm xây dựng CDĐL của các nước và Việt Nam cho thấy việc lựa chọn phương pháp xây dựng CDĐL của mỗi quốc gia, đơn vị là rất phong phú, đa dạng tùy thuộc vào điều kiện tài chính, điều kiện tự nhiên và xã hội của mỗi nước, mỗi vùng. Thành công trong xây dựng CDĐL và TGXX sản phẩm để xây dựng thương hiệu của các nước, duy trì ngành sản xuất truyền thống, nâng cao nhận thức người dân và phát triển cơ chế quản lý. Những bài học trong quá trình xây dựng và đăng ký CDĐL các nước trên thế giới và các địa phương trong nước giúp cho các địa phương đang tiến hành xây dựng CDĐL có thêm kinh nghiệm, phát huy những kết quả đạt được và loại bỏ những hạn chế còn tồn tại để đăng ký CDĐL sản phẩm cho địa phương mình.

**b. Căn cứ pháp lý**

- Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi) Số 36/2009/QH12 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khoá XII,kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009

- Nghị định số 105/2006/NĐ/CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và quản lý nhà nước về SHTT Nghị định số 119/2010/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 105/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền

sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

- Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015.

- Thông tư số 03/2011/TT-BKHCN ngày 20/4/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn tuyển chọn và quản lý dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

- Thông tư liên tịch số 112/2011/TTLT/BTC-BKHCN ngày 2/8/2011 về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015.

- Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015;

- Căn cứ quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa và phát triển công nghệ tỉnh Đồng Nai

15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của Đề tài

Căn cứ thực tiễn

Chôm chôm có tên khoa học là Nephelium lappaceum L., thuộc họ Sapindaceae. Loại cây ăn quả này thích hợp trồng ở vùng nhiệt đới, có nguồn gốc khởi nguyên từ khu vực Đông Nam Á. Hiện nay, chôm chôm trồng phổ biến ở nhiều châu lục như Châu Phi, Châu Đại Dương, Châu Mỹ, ngày càng gia tăng ở Châu Úc và quần đảo Hawai. Trong nước, cây này được trồng phổ biến ở lưu vực sông Đồng Nai, vùng Nam Trung Bộ với nhiều giống trồng phổ biến như Java, chôm chôm nhãn và Rong Rieng.

Chôm chôm là loài cây có chứa khá nhiều sinh tố C, có thể ăn tươi hoặc đóng hộp dưới nhiều hình thức để dự trữ hay xuất khẩu. Hạt chôm chôm có thành phần dầu cao nên cũng được dùng để sản xuất dầu ăn hay xà phòng. Cây và rễ chôm chôm có thể dùng cho việc sản xuất dược phẩm và màu.

Theo Đoàn Hữu Tiến và Tạ Minh Tuấn (2007) sản lượng chôm chôm của Việt Nam tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam khoảng 358.000 tấn trên tổng diện tích gần 22.000 ha, trong đó một số tỉnh sản xuất chủ lực như Đồng Nai khoảng 200.000 tấn, Bến Tre 64.493 tấn, Vĩnh Long 16.053 tấn, Tiền Giang 3.603 tấn. Thị trường chôm chôm phần lớn tiêu thụ trong nước, bên cạnh đó thị trường xuất khẩu chôm chôm cũng thể hiện nhiều tiềm năng. Khoảng 30% sản lượng chôm chôm hàng năm được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc, Singapore và một số nước Châu Âu. Trong tương lai thị trường Mỹ mở ra nhiều tiềm năng cho trái cây Việt Nam. Thị trường Mỹ và một số nước châu Âu hiện nay cũng có nhu cầu nhập khẩu chôm chôm của Việt Nam tuy nhiên yêu cầu đặt ra là sản phẩm phải đảm bảo về chất lượng. Nước có khả năng cạnh tranh về xuất khẩu chôm chôm là Thái Lan với sản lượng

hàng năm khoảng 517.000 tấn trên diện tích khoảng 84.000 ha.

Tỉnh Đồng Nai là địa phương có diện tích trồng chôm chôm tập trung lớn nhất. Theo báo cáo rà soát bổ sung quy hoạch Nông nghiệp Nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thì Đồng Nai phấn đấu giữ vững diện tích 10.000 ha và tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm. Ở một số địa phương như Tx.Long Khánh, Xuân lộc, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom, Cẩm Mỹ được ưu tiên cho phát triển cây chôm chôm. Theo số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp& Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai, năm 2009 Đồng Nai có diện tích trồng chôm chôm là 11.490 ha, đạt sản lượng 142.145 tấn; Năm 2010 có 11.702 ha với sản lượng 145.029 tấn và năm 2011, diện tích trồng chôm chôm toàn tỉnh đạt 11.508 ha với sản lượng 139.213 tấn. Diện tích chủ yếu phân bố tập trung nhiều nhất ở thị xã Long Khánh (3.020 ha), kế đến là huyện Thống Nhất (2.683 ha), Xuân Lộc (2.205 ha) và Cẩm Mỹ (1.286 ha). Các huyện còn lại, diện tích dưới 1.000 ha và phân bố rải rác. Tại thị xã Long Khánh, diện tích trồng chôm chôm chiếm 30% diện tích trồng chôm chôm tỉnh Đồng Nai, năng suất bình quân 15 tấn/ ha và bình quân toàn tỉnh là 12 tấn/ ha

Những vấn đề tồn tại:

Trải qua lịch sử canh tác trên 50 năm và điều kiện tự nhiên **Chôm chôm vùng Long Khánh** mang những đặc thù riêng, thổ nhưỡng phù hợp, người làm vườn có nhiều kinh nghiệm về kỹ thuật chăm sóc cây chôm chôm, đã tạo nên sản phẩm này có chất lượng quả ngon, ngọt và màu sắc đặc trưng. **Chôm chôm vùng Long Khánh không những được người tiêu dùng trong cả nước biết đến mà còn cả những người khách nước ngoài, nhất là chôm chôm nhãn**. Tuy nhiên, quả chôm chôm Long Khánh vẫn chưa khẳng định giá trị chất lượng và vị trí thương hiệu trên thị trường trong nước so với các loại nông sản ăn quả khác như vải Thiều Lục Ngạn, nho Ninh Thuận, bưởi Năm Roi, thanh long Bình Thuận, … Trong hàng chục năm nay, khi vào mùa với hơn 100 ngàn tấn sản lượng, giá cả chôm chôm Long Khánh dao động lên xuống bất thường vì phải chịu sức ép cạnh tranh từ nhiều loại trái cây khác và chưa có chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa nào cho sản phẩm này để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

Mặt khác, được biết nhiều người ăn chôm chôm Long Khánh hàng năm nhưng chẳng biết từ đâu ra. Đến quầy trái cây, có khi người bán nói là hàng ngoại nhập nhưng kỳ thực đó là chôm chôm Long Khánh với vỏ mỏng đỏ tươi, râu xanh, tróc hạt, cơm dày và mọng nước.

Chính vì vậy, một yêu cầu cấp thiết đặt ra cho chôm chôm Long Khánh cần phải xác định được tên tuổi vốn có của nó gắn liền với ưu thế về đất đai, khí hậu và tập quán canh tác của nông dân và từ đó xác định chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước, tăng cường lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy việc phát triển một loại cây có giá trị và an toàn thực phẩm, tăng thu nhập cho người dân. Sản phẩm được bảo hộ dưới dạng chỉ dẫn địa lý sẽ góp phần nâng cao giá trị kinh tế; Cùng với hệ thống kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo về chất lượng từ khâu sản xuất chế biến đến việc sử dụng hệ thống tem nhãn, bao bì sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo lợi ích cho người tiêu dùng; Giá đầu ra được nâng cao giúp cho người sản xuất và kinh doanh thuận lợi hơn, nhờ đó họ chú tâm kinh doanh, nâng cao giá trị đất đai vùng địa danh. Khi chỉ dẫn địa lý đã được thừa nhận và biết đến một cách rộng rãi

trên thị trường, nó sẽ là phương tiện nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống không chỉ cho người sản xuất của địa phương mà cả những nhà kinh doanh khác. Đối với người tiêu dùng cũng được đảm bảo được nguồn gốc xác định và danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính xác định

**Điều kiện tự nhiên thuận lợi:**

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng Đông Nam bộ, thuộc vùng kinh tế trọng điểm ở phía Nam. Đây là vùng có tốc độ phát triển kinh tế năng động, là đầu mối giao lưu quốc tế lớn của cả nước và có nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế nông nghiệp. Diện tích tự nhiên theo ranh giới hành chánh của tỉnh là 5.902 km2, trong đó đất nông nghiệp khoảng 289.275 ha.

Thổ nhưỡng có 10 nhóm đất chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong đó chiếm diện tích lớn gồm các loại đất như: Đất xám, đất đen, đất đỏ, đất phù sa, đất gley

Đồng Nai nằm trong vùng có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.500 mm/năm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 4 đến tháng 11 năm sau. Nhiệt độ không khí trung bình 25,7 - 26,70C. Tổng lượng bức xạ mặt trời hàng năm đạt khoảng 110-120 KCal/cm2 và phân bố khá đều trong năm. Độ ẩm không khí từ 80 - 82%.

**Danh tiếng sản phẩm chôm chôm Long Khánh:**

Đến Long Khánh bất cứ giờ nào, nơi chợ lớn, chợ nhỏ, nơi ngã ba đông người, bến xe, bến tàu... người ta dễ bắt gặp một không khí rộn ràng của cảnh mua bán, rao mời đủ các loại trái cây, khách mua có thể tự do lựa chọn, người không mua cũng tham quan ngắm nhìn thỏa thích. Bên cạnh những trái cây "du nhập" từ xa về, Long Khánh không những thỏa mãn nhu cầu cho người tiêu dùng ở địa phương mà còn đóng kiện vận chuyển đến các khu vực khác ngoài tỉnh.

Tên Long Khánh ra đời đến nay đã 170 năm. Long Khánh thực sự là nơi đất lành chim đậu. Đất bazan màu mỡ không chỉ có thuận lợi cho cây cao su, cà phê mà còn các loại cây ăn quả. Dù vậy trước năm 1945, dân cư còn thưa, đất rộng chưa khai phá hết, cây ăn quả còn rất ít, chủ yếu mới trồng các loại cây phổ biến như nhiều nơi trong nước. Vài ba thập niên gần đây Long Khánh đã mở rộng diện tích và chủng loại cây có giá trị khác. Đó là: chôm chôm, sầu riêng, mít tố nữ, thanh long, nhãn, v.v... Song đối với Long Khánh, ngày nay nói tới đặc sản cây ăn quả là nói tới sầu riêng, chôm chôm, mít tố nữ, mãng cầu, xoài v.v…Trong dân gian từ lâu đã truyền tụng câu ca dao:

Sầu riêng, măng cụt, chôm chôm

Xoài ngon, mít ngọt, chuối thơm nghìn trùng.

Trước đây, hầu hết ở xã, ấp của thị xã Long Khánh cũng đều có những khu vườn rộng hay hẹp đều có trồng xen canh cây tạp (mỗi loại vài ba cây trong vườn). Nhưng thời gian gần

đây, vườn cây ăn quả ngày càng đi vào chuyên canh như sầu riêng, chôm chôm. Người làm vườn có kỹ thuật canh tác cao đã tạo nên chất lượng trái vừa ngon vừa cho năng suất cao.

Tại thị xã Long Khánh, cây chôm chôm thân thấp, tán rộng, trái có gai mềm, to chừng quả trứng vịt, trồng chừng vài ba năm đã cho trái, khoảng từ bảy đến mười năm trở lên mới cho sản lượng cao. Mùa chôm chôm chín rộ vào tháng 5-6 dương lịch. Nhưng những nhà vườn trông chôm chôm có tay nghề cao họ có thể chăm bón để "thúc" cây cho ra trái sớm, bán được giá cao gấp 5-7 lần so với chính vụ. Người làm vườn vùng này canh tác với phương châm "Mưa nhiều rậm lá, nắng quá khô bông" và lưu truyền kinh nghiệm từ đời này qua đời khác. Hương sắc của trái chôm chôm cũng khá đặc biệt. Mùa đơm bông kết trái có dịp thăm vườn chôm chôm, chúng ta sẽ thấy một màu xanh ngăn ngắt, điểm lấm tấm màu trắng của hoa và những nụ xanh đang chuyển dần sang màu xanh sáng, màu vàng non rồi đỏ dần khi chín mọng, và những trái chín cuối mùa thường có màu đỏ sậm xen lẫn trong màu lá lục thẩm trông rất đẹp mắt. Một nhà thơ nữ ở Long Khánh đã say với vẻ đẹp ấy qua mấy câu thơ:

"...Đỏ môi tươi hay màu trái chín

Chôm chôm vườn người ngơ ngẩn hồn ai."

(Nguồn: Báo điện tử online Long Khánh)

Đối với khách tham quan, ăn chôm chôm không gì thú bằng đi trong vườn chôm chôm để ngắm vẻ đẹp của những hàng cây song song tỏa bóng mát, trên cây là hàng trăm, hàng ngàn chùm với hàng vạn trái xanh, vàng, đỏ chen nhau, khỏa lấp hết cả sắc lá cành. Không như mua bán ở chợ, chủ nhân vườn chôm chôm rất mến khách. Họ sẵn sàng mời, hướng dẫn khách đi tham quan khắp vườn, tự do hái trái và kể những câu chuyện về đặc sản này. Du khách được gọi là "sành ăn" chôm chôm thì sẽ chọn mua chôm chôm vào lúc sáng sớm. Đây là lúc chôm chôm mới vừa hái trên cây xuống nên rất giòn và ngọt khi ăn vào. Câu thông điệp dễ thuộc "chua, ngọt, tróc, cùng bóc cùng ăn" đã ra đời như thế.

**Giá trị kinh tế từ canh tác chôm chôm**

Ở thị xã Long Khánh có khoảng 3.020 ha chôm chôm, chiếm khoảng 30% diện tích chôm chôm toàn tỉnh. Trong đó, chôm chôm nhãn và Rong Riêng (chôm chôm Thái Lan) chiếm trên 40% diện tích, còn lại là giống khác. Vào thời điểm này, một số nhà vườn đã có chôm chôm chín sớm bán ra thị trường thu được giá cao và ổn định. Toàn tỉnh đến nay có khoảng 12 ngàn ha chôm chôm với năng suất bình quân đạt 12 tấn/ha. Riêng năng suất ở Long Khánh cao hơn, đạt từ 14 – 16 tấn/ha với sản lượng 47.120 tấn (Theo số liệu thống kê Phòng Nông nghiệp Long Khánh, 2011). Giá chôm chôm cũng dao động theo mùa và theo từng thời điểm thu mua.

- Đầu mùa vụ, chôm chôm được thu mua với giá cao: chôm chôm Java từ 12.000 – 15.000 đồng/kg; chôm chôm nhãn từ 25.000 – 30.000 đồng/kg.

- Vào trung vụ, giá chôm chôm Long Khánh giảm xuống do phải cạnh tranh với nhiều

mặt hàng trái cây khác (phía bắc có vải thiều Lục Ngạn, Thanh Hà, …). Giá chôm chôm nhãn xuống thấp cũng ở mức 10.000 đồng/kg, chôm chôm Java khoảng 6.000 – 3.000 đồng/kg.

- Cuối vụ, giá chôm chôm lại tăng lên, dao động từ 8.000 – 12.000 đồng/ kg (Nguồn: Báo điện tử Đồng Nai; www. vneconomy.com.vn;www. hanghoaviet.com.vn)

Giả sử, nếu bình quân giá chôm chôm giảm đến 6.000 đồng/kg, năng suất trung bình là 12 tấn/ha thì tổng giá trị kinh tế thu được như sau:

Doanh thu: 6.000 đ/kg x 12.000 kg/ha = trung bình 72 triệu đồng/ha.

Nếu giá cả xuống thấp nhất 2.000 đồng/kg tại vườn thì người dân thu được 24 triệu đồng/ha. Thực tế theo giá cả dao động trong một chu kỳ mùa vụ, thu nhập người dân cao hơn mức đã giả định.

Ngoài ra, một khi sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, giá trị sản phẩm có thể tăng từ 15 – 30% hoặc cao hơn, người dân trồng chôm chôm sẽ được thu mua với giá cao, ổn định hơn, giúp tăng lợi nhuận tương ứng.

Hiện nay, chôm chôm Long Khánh được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp giấy chứng nhận thương hiệu tập thể (tháng 8/2011). Đây là điều kiện rất thuận lợi để sản phẩm nông sản này nâng cao giá trị, ổn định về giá và danh tiếng, tạo sức cạnh tranh với những sản phẩm nông sản danh tiếng khác, giúp cho người dân làm vườn tăng thu nhập.

**Vai trò của cây chôm chôm trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai**

Cây chôm chôm là cây ăn quả đặc sản của tỉnh Đồng Nai, được trồng ở vùng đất này đã trên 40 năm. Trong nhóm cây ăn quả thì chôm chôm, bưởi, sầu riêng, xoài được tỉnh chú trọng đầu tư phát triển. Chôm chôm nhãn là sản phẩm đặc sắc ở Đồng Nai, chất lượng trái ngon và có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên đến thời điểm này, chôm chôm Đồng Nai mới được Cục Sở hữu trí tuệ trao giấy chứng nhận thương hiệu tập thể nhưng vẫn chưa phát triển thương hiệu và cạnh tranh với những loại trái cây khác ở thị trường trong nước.

**Những vấn đề cần nghiên cứu cho phát triển cây chôm chôm ở Đồng Nai**

Kết quả điều tra sơ bộ hiện trạng sản xuất cây chôm chôm ở Đồng Nai cho thấy chôm chôm được trồng chủ yếu ở Thị xã Long Khánh và các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ với 3 giống chủ lực là Java, Rong Riêng và chôm chôm Nhãn, trong đó Java được trồng phổ biến nhất. Những nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng chôm chôm trên địa bàn có thể kể đến là:

- Tình hình bệnh trước và sau thu hoạch xảy ra phổ biến và gây thiệt hại nặng từ 25-40%, tuy nhiên nhà vườn chưa phòng trừ hữu hiệu; nhiều vườn chôm chôm lâu năm thiếu dinh dưỡng nhưng chưa được bón phân đúng mức dẫn đến chất lượng và năng suất trái thấp thấp.

- Thực trạng ở Đồng Nai về tình hình sản xuất, tập quán canh tác gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng trái chôm chôm. Việc bón phân thiếu cân đối khá phổ biến. Đề phòng trừ một số loại sâu bệnh như sâu đục trái, bệnh thối trái, nhà vườn chưa chú trọng biện pháp phòng trừ tổng hợp IPM mà đa số chỉ phun thuốc hóa học vào giai đoạn cây mang trái nên nguy cơ tồn dư thuốc BVTV trong trái vượt ngưỡng cho phép khó tránh khỏi.

Trước những vấn đề trên, sản phẩm chôm chôm Long Khánh cần phải khẳng định chất lượng, xác định đặc thù và tạo thương hiệu cạnh tranh trên thị trường. Do đó, sản phẩm cần phải:

- Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm và quảng bá trên các phương tiện truyền thông; xây dựng quy trình sản xuất, chế biến và bảo quản chúng

- Xác định đặc thù về tính chất, chất lượng của chôm chôm Long Khánh.

- Xác định các yếu tố đặc thù về điều kiện tự nhiên, điều kiện con người có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng chôm chôm Long Khánh.

- Xác định khu vực vùng trồng chôm chôm đã lựa chọn có đủ điều kiện để sản xuất, canh tác và bảo hộ.

Có thể thấy giá trị và lợi ích của chôm chôm đã mang lại những tiềm năng phát triển to lớn cho sản phẩm này, việc tiến hành xây dựng chỉ dẫn địa lý cho "Long Khánh" là một việc làm cần thiết và cấp bách. Kết quả của đề tài không chỉ là một sự chứng thực về một sản phẩm có chất lượng của Việt Nam, mà còn mang lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế - xã hội cho một vùng đất màu mỡ, phì nhiêu. Kết quả thành công của đề tài sẽ là tiền đề để tiến hành mở rộng vùng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm chôm chôm trên địa bàn toàn tỉnh. Tạo cơ sở cho việc phát triển các vùng nông nghiệp ngành hàng, là sự khẳng định uy tín của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước, mặt khác nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, tiến lên làm giàu, thực hiện các mục tiêu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai nói riêng và đẩy mạnh thành phong trào chung cho cả nước.

**16** ***Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan***

*(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)*

Tài liệu trích dẫn:

[1]. Dr Eva Inés Obergfell and Dr Wolfram Hertel LL.M. (NYU) (2002), *Quality produce from Germany- Geographical indication or a label of quality incompatible with EC law?*, International and European Commercial and Company Law.

[2]. Hui-Shung (Christie) Chang, Gene Campbell and Peter Sniekers (2006), *Geographical Indication for New England Wines in NSW*, University of New England.

[3]. Ihaka R, Gentleman R. (1996), *R: A language for data analysis and graphics,* Journal of Computational and Graphical Statistics; 5:299-314.

[4]. Hồ Quang Đức, Trương Xuân Cường và nnk (2005), *Phân tích đánh giá xác định tính đặc thù của bưởi Đoan Hùng và xác định phạm vi địa phương đáp ứng điều kiện trồng bưởi Đoan Hùng*.

[5]. Nguyễn Văn Ga, Tạ Quang Minh, Nguyễn Tuấn Sơn (2011), *Cơ sở lý luận về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản*, Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam, số 1-2011, trang 2-6.

[6]. Lê Thị Thu Hà, 2010, *Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới góc độ thương mại đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.* Luận án Tiến sĩ kinh tế.

[7]. Vũ Công Hậu (1999), *Trồng cây ăn quả ở Việt Nam,* Nhà xuất bản Nông nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

[8]. Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Bích Thu, Bùi Xuân Khôi, nnk, 2011, "Xác lập quyền chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm bưởi Tân Triều – huyện Vĩnh Cửu". Báo cáo kết quả đề tài của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.

[9]. Trần Việt Hùng (2003), *Nhãn hiệu, tên gọi xuất xứ, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và "Thương Hiệu"*, Tạp chí Hoạt động Khoa học số 4/2003, Bộ KH&CN.

[10]. Luật số 50/2005/QH11, ban hành ngày 29/11/2005, *Luật Sở hữu Trí tuệ*.

[11] Nghị Định số 105/2006/NĐ-CP, ban hành ngày 22/09/2006, *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*.

[12]. Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn – Cục Sở hữu Trí tuệ, 2008, *Thực tiễn đăng ký chỉ dẫn địa lý của một số nước thuộc cộng đồng Châu Âu,* Hội thảo "Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý" tại Buôn Mê Thuột tháng 6/2008.

[13]. Vũ Xuân Thanh, Nguyễn Thị Hà, Đặng Thu Lan (2008)*, Những thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm trong xây dựng cơ sở khoa học phục vụ đăng ký chỉ dẫn địa lý cho các loại nông sản,* Hội thảo "Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý" tại Buôn Mê Thuộc, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp.

[14]. Viện Thổ nhưỡng Nông hóa (2007), *Xác định tính đặc thù của cam "Vinh" và xây dựng bản đồ xác định phạm vi địa phương tương ứng với chỉ dẫn địa lý "Vinh" đối với sản phẩm cam quả của tỉnh Nghệ An,* báo cáo kết quả đề tài, Hà Nội.

[15]. Viện Thổ nhưỡng Nông hóa (2008), *Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý "Yên Châu" cho sản phẩm Xoài của tỉnh Sơn La.* Báo cáo kết quả đề tài, Hà Nội.

[16]. Viện Thổ nhưỡng Nông hóa (2009), *Xác định cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý "Ninh Thuận" cho sản phẩm nho của tỉnh Ninh Thuận,* báo cáo kết quả

đề tài, Hà Nội.

[17]. Viện Thổ nhưỡng Nông hóa (2009), *Xây dựng cơ sở khoa học cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý "Trùng Khánh" cho sản phẩm hạt dẻ của huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng,* báo cáo kết quả đề tài, Hà Nội.

| 17 | **Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của Đề tài và phương án thực hiện** |
|---|---|

**Nội dung 1: Điều tra, khảo sát thực địa đến vùng địa danh uy tín Long Khánh, xây dựng kế hoạch chi tiết cho thực hiện dự án:**

+ Quy trình, kỹ thuật trồng trọt, canh tác chôm chôm;

+ Điều tra thực trạng quy hoạch, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

+ Thu thập thông tin về sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

**Nội dung 2: Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm:**

+ Khảo sát xây dựng kế hoạch triển khai;

+ Phân tích các yếu tố đặc thù về điều kiện tự nhiên;

+ Thu thập và phân tích các yếu tố đặc thù về hình thái và chất lượng quả chôm chôm;

+ Phân tích mối liên hệ giữa đặc thù về hình thái và chất lượng quả chôm chôm với các yếu tố đặc thù về điều kiện tự nhiên, con người.

+ Xây dựng bản đồ vùng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chôm chôm: bản đồ chất lượng đất trên phạm vi trồng chôm chôm Long Khánh và bản đồ vùng lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm.

**Nội dung 3: Đăng ký chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm:**

- Xây dựng Bản thuyết minh tính đặc thù của chôm chôm Long Khánh.

+ Mô tả các đặc thù về các điều kiện tự nhiên.

+ Mô tả các đặc thù về hình thái, cảm quan và các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của chôm chôm Long Khánh.

- Chuẩn bị các tài liệu cần thiết khác để nộp đơn yêu cầu đăng ký chỉ dẫn địa lý.

- Nộp đơn, theo dõi đơn, thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung đơn theo yêu cầu của Cục Sở hữu Trí tuệ (nếu có).

**Nội dung 4: Xây dựng các điều kiện để quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho vùng địa lý đã được xác lập quyền:**

4.1 Thành lập tổ chức tập thể của các tổ chức, cá nhân canh tác, chế biến, kinh doanh chôm chôm Long Khánh.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá về khả năng tham gia tổ chức tập thể của các tổ chức, cá nhân trong vùng địa lý

-Thiết kế, xây dựng mô hình tổng thể về tổ chức, cơ chế hoạt động và các nội dung

quản lý của tổ chức

4.2 Chỉ định cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ” Long Khánh” dùng cho sản phẩm chôm chôm.

Thiết kế mô hình tổng thể về cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và các nội dung quản lý của Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm

4.3 Xây dựng hệ thống văn bản làm cơ sở cho hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý:

a. Đối với hoạt động quản lý của tổ chức tập thể các nhà sản xuất, chế biến, kinh doanh chôm chôm Long Khánh:

- Bổ sung, hoàn thiện quy trình kỹ thuật chuẩn về canh tác, chế biến, bảo quản chôm chôm Long khánh.

- Xây dựng quy chế cấp và quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm chôm chôm mang chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”;

b. Đối với hoạt động quản lý của Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh” và Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm chôm chôm Long Khánh của tỉnh Đồng Nai:

- Xây dựng cơ chế trao quyền, thống nhất ý kiến và trình ban hành/phê duyệt Quy chế trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh” cho các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp đủ điều kiện và có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý.

- Xây dựng, thống nhất ý kiến và trình ban hành/phê duyệt Quy chế quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý và Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm chôm chôm Long Khánh..

4.4 Xây dựng hệ thống các phương tiện quảng bá, phát triển giá trị chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”:

- Thiết kế hệ thống tem, nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm để sử dụng cho những sản phẩm đủ điều kiện mang chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”;

- Thiết kế hệ thống tờ rơi, panô quảng cáo, gian hàng tiêu chuẩn, website và các phương tiện quảng bá khác nhằm sử dụng nhằm giới thiệu, quảng bá và thương mại hoá sản phẩm chôm chôm Long Khánh..

4.5 Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về chỉ dẫn địa lý:

- Tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo cho Lãnh đạo và các cán bộ quản lý của tổ chức tập thể về phương thức tổ chức, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, bao gồm: cách thức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của tổ chức; giám sát hoạt động sản xuất và chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động; thiết lập mối liên hệ giữa các bộ phận của tổ chức; cơ chế tài chính; vai trò, ý nghĩa kinh tế - xã hội của việc xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý.

- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ thuộc Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Cơ quan kiểm soát chất lượng chôm chôm Long Khánh về cách thức quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, như: cơ chế trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; phương thức đánh giá và giám sát chất lượng sản phẩm.

- Tổ chức tập huấn các quy trình kỹ thuật canh tác, chế biến, bảo quản chôm chôm Long

Khánh đã được chuẩn hóa cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

**18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

***Cách tiếp cận chung***:

- Tỉnh Đồng Nai có diện tích trồng chôm chôm lớn nhất trong cả nước. Diện tích canh tác chủ yếu phân bố tập trung và người dân có truyền thống canh tác lâu đời. Điều kiện tự nhiên (khí hậu, địa hình, địa mạo, thổ nhưỡng) phù hợp với việc canh tác và phát triển cây chôm chôm.

- Đồng Nai có 3 giống chôm chôm chính được trồng là chôm chôm Java, chôm chôm Nhãn và chôm chôm Rong Riêng và đã được Cục Sở hữu Trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa tập thể (tháng 8/2011) nên rất thuận lợi để xây dựng chỉ dẫn địa lý. Trong đó, giống chôm chôm được trồng từ rất lâu tại Đồng Nai chủ yếu là chôm chôm nhãn và chôm chôm Java.

- Vùng trồng chôm chôm tại các huyện, thị xã khu vực nghiên cứu có điều kiện đặc trưng về thổ nhưỡng so với những vùng khác như các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long được trồng chủ yếu trên đất phù sa.

- Sản phẩm chôm chôm Long Khánh được nhiều người tiêu dùng trong cả nước biết đến. Do đó, sản phẩm cần nâng cao giá trị thương hiệu và đảm bảo chất lượng thông qua việc bảo hộ quyền chỉ dẫn địa lý.

***Đối tượng nghiên cứu:***

- Xem xét tính chất lý hóa học một số loại đất chính trồng chôm chôm tại khu vực thị xã Long Khánh, huyện Thống Nhất, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ
- Một số chỉ tiêu cần thiết về hình thái và chất lượng quả chôm chôm trên hai giống chính: chôm chôm nhãn và Java.

***Phạm vi nghiên cứu:***

- Vùng nghiên cứu: các xã trồng chôm chôm tập trung tại khu vực thị xã Long Khánh, huyện Thống Nhất, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ.
- Hai giống chôm chôm có nguồn gốc lâu đời: chôm chôm nhãn và chôm chôm Java.

***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***:

**1. Thu thập tài liệu:**

Để có được những tư liệu cần thiết cho việc nghiên cứu, chúng tôi đã và sẽ tiến hành:

- Thu thập các tài liệu, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước về cây chôm chôm.
- Tổng hợp tài liệu, kết quả nghiên cứu đã có về đất đai và về chôm chôm ở tỉnh Đồng Nai.
- Thu thập các loại bản đồ: bản đồ hành chính; bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất; bản đồ giải thửa; bản đồ địa hình; bản đồ thổ nhưỡng, địa chất; bản đồ phân vùng khí hậu... tỉnh Đồng Nai nói chung và của vùng nghiên cứu chôm chôm nói riêng.

**2. Điều tra, khảo sát thực địa:**

- Về tình hình sử dụng đất, canh tác chôm chôm và đặc thù của chôm chôm Long Khánh: điều tra, phỏng vấn nông dân về tình hình canh tác và chăm sóc chôm chôm ở các xã, thôn và mô tả hình thái và đặc tính sinh học của cây chôm chôm theo mẫu phiếu điều tra.

- Về thổ nhưỡng: đào, mô tả phẫu diện và lấy mẫu đất để phân tích theo phương pháp của FAO-UNESCO. Mật độ phẫu diện bổ sung phù hợp với tỷ lệ bản đồ cần xây dựng, dựa theo "*Quy phạm điều tra lập bản đồ đất ở tỷ lệ lớn*" (10 TCN, 68 - 84) của Bộ Nông nghiệp Việt Nam (1984).

+ *Lấy mẫu đất:* các phẫu diện chính có phân tích được lấy mẫu đất theo tầng phát sinh. Các mẫu nông hóa được lấy theo hai tầng, tầng mặt từ 0 - 30 cm (tầng 1) và tầng thứ hai từ 30 - 60 cm (tầng 2); các mẫu đất ở dưới các cây chôm chôm có lấy mẫu quả cũng được lấy theo hai tầng như trên tại 5 điểm dưới mép tán cây sau đó được trộn đều theo tầng.

*Mô tả phẫu diện:* Tuân thủ theo *Hướng dẫn mô tả phẫu diện đất* của FAO (*Guidelines for Soil Description.* FAO, 1990).

+ *Lấy mẫu quả chôm chôm:* mẫu quả chôm chôm được thu thập ở các vùng trồng chôm chôm đặc sản của Long Khánh thuộc giống chôm chôm là chôm chôm Nhãn và chôm chôm Java. Mỗi cây lấy 3 nhánh quả ở 3 tầng tán khác nhau.

**3. Phân tích mẫu đất:**

Xác định các chỉ tiêu lý hóa tính của đất cần có để đảm bảo chôm chôm có các chỉ tiêu đặc thù về chất lượng. Các chỉ tiêu được phân tích bao gồm: thành phần cơ giới, độ chua ($pH_{H2O}$, $pH_{KCl}$ ), nhôm trao đổi ($Al^{3+}$, meq/100g), độ dẫn điện (EC, $\mu S/cm^2$), hàm lượng Cacbon hữu cơ (OC,%), hàm lượng đạm tổng số (N, %), hàm lượng lân tổng số ($P_2O_5$, %), hàm lượng Kali tổng số ($K_2O$, %), phốt pho dễ tiêu ($P_2O_{5dt}$, mg/100g), kali dễ tiêu ($K_2O_{dt}$, mg/100g), cation trao đổi ($Ca^{2+}$, $Mg^{2+}$, meq/100g), dung lượng cation trao đổi (CEC) và hàm lượng các nguyên tố vi lượng (Mn, B và một số nguyên tố vi lượng khác, ppm) [7].

Các mẫu đất được phân tích theo phương pháp của FAO-ISRIC (1987, 1995) và của Viện Thổ nhưỡng Nông hóa (1998) dưới đây:

- *Thành phần cấp hạt:* Đất được xử lý bằng oxy già ($H_2O_2$) 30 - 35% để loại chất hữu cơ. Khuếch tán keo bằng Natri Hexametaphotphat/Natri Cacbonat, lắc đất để qua đêm. Sét và thịt được tách ra khỏi cát bằng cách lọc qua rây ướt (50 μm) và xác định bằng phương pháp pipét. Cát được tách bằng rây khô.

- *pH:* Đo pH bằng pH-meter trong huyền phù theo tỷ lệ đất: dung dịch là 1: 2,5 (nước cất hoặc KCl 1M tùy theo xác định $pH_{H2O}$ hoặc $pH_{KCl}$).

- *Độ chua và $Al^{3+}$ trao đổi:* Trao đổi $Al^{3+}$ và $H^+$ trong dung dịch KCl 1M; xác định độ chua trao đổi và Nhôm bằng phương pháp chuẩn độ trung hòa.

- *Lân dễ tiêu:* Sử dụng phương pháp Bray II: Chiết rút P bằng dung dịch $NH_4F$ 0,03M/HCl 0,1M; so màu ở trên máy chiết quang chọn lọc ở bước sóng 882 nm.

- *Kali dễ tiêu:* Tương tự các phương pháp chiết rút mẫu phân tích Lân dễ tiêu; dịch chiết được đốt trên máy quang kế ngọn lửa AES - Kính lọc K768 nm.

- *Bazơ trao đổi:* Xác định bằng cách tác động mẫu với Amon Axêtat 1M ($NH_4OAc$) ở pH = 7. Các cation $Ca^{2+}$, $Mg^{2+}$, $K^+$, $Na^+$ được dùng trong dịch chiết và đo trên máy Quang phổ hấp phụ nguyên tử - Atomic Absorption Spectrophotometer (AAS-3300 Pekin Elmer).

- *Dung tích hấp thu hay khả năng trao đổi cation (CEC) trong đất và trong sét*: Sau khi đã tác động mẫu với $NH_4OAc$ (Amon Axêtat) ở pH = 7, dung dịch muối được rửa tới hết muối bằng Kali Clorua, sau đó lại cho mẫu tác động với Natri Axêtat (NaAc) ở pH = 7, rửa sạch

bằng muối Amon Axêtat. Xác định $Na^+$ trong dịch chiết.

- *Cácbon hữu cơ tổng số (OC%):* Phương pháp Walkley-Black: tác động chất hữu cơ với hỗn hợp Kali Bicromat ($K_2Cr_2O_7$) N/3 trong Axít Sunfuric ($H_2SO_4$) 25N và chuẩn độ Bicromat dư bằng muối Mohr (Ferrous Sulphate) với chỉ thị màu BDS (Barium Diphenylamine Sulphonate).

- *Đạm tổng số (N%):* Phương pháp Ken-đan (Kjeldahl): Phá hủy mẫu bằng Axít Sunfuric, chuyển N hữu cơ về dạng Sunphat Amon - $(NH_4)_2SO_4$, cho kiềm tác động chuyển về dạng $NH_3$ và được thu vào dung dịch Axit Boric, chuẩn độ với axít tiêu chuẩn (HCl 0,01N).

- *Lân tổng số ($P_2O_5$ %):* Sử dụng Axít Pecloric cùng $H_2SO_4$ phân hủy và hòa tan các hợp chất phốtpho trong đất; xác định hàm lượng lân bằng phương pháp *trắc quang* (Spectrophotometer).

- *Kali tổng số ($K_20$ %):* Phân hủy và hòa tan mẫu bằng hỗn hợp HF và $HClO_4$ theo M. Jackson; xác định hàm lượng K trong dung dịch bằng *quang kế ngọn lửa* (Flamephotometer).

- *Hàm lượng Mn (ppm):*

+ Công phá đất bằng hỗn hợp $HNO_3$ và $HClO_4$.

+ Đo trên máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS Varian 220FS. Ngọn lửa $C_2H_2$, $\lambda$ = 422,7/ 343,6nm S = 0,2. Môi trường HCl 1% và phụ gia.

- *Hàm lượng B (ppm):*

+ Công phá đất bằng hỗn hợp $HNO_3$ và $HClO_4$.

+ Đo trên máy quang phổ hấp thụ nguyên tử PERKIN - ELMER AAS 3300. Ngọn lửa $N_2O$ /$C_2H_2$, $\lambda$ = 249,7 nm S = 0,7. Môi trường HCl 1% và phụ gia nền.

**4. Phân tích mẫu quả:**

Để xác định các yêu cầu về chất lượng quả nhằm tìm hiểu các chỉ tiêu đặc thù của chôm chôm Long Khánh, các chỉ tiêu về hình thái quả bao gồm: số râu, màu sắc quả, trọng lượng quả, kích thước quả, độ dày vỏ, trọng lượng vỏ, trọng lượng hạt, độ tróc, độ giòn, ...; Các chỉ tiêu về chất lượng: độ Brix, hàm lượng Vitamin C, lượng nước dịch quả, đường tổng số, Canxi, Sắt, Magiê, Phốt pho, Kali, Natri.

- Trọng lượng quả (g): Cân xác định trọng lượng bằng cân kỹ thuật.

- Kích thước quả (mm) gồm chiều cao, đường kính của quả.

- Độ dày vỏ (mm) bổ quả theo chiều ngang, chọn ba điểm trên quả, dùng thước kẹp đo khoảng cách từ lớp vỏ ngoài đến lớp vỏ bao thịt quả.

- Trọng lượng vỏ (g): Bóc lớp vỏ ngoài của trái ra hết đem cân( cân kỹ thuật)

- Trọng lượng hạt (g). Bóc toàn bộ lớp thịt ra lấy hạt đem cân(cân phân tích)

- Độ tróc, độ giòn: đánh giá cảm quan

- Thành phần chất rắn hòa tan (độ Brix):

- Lượng nước dịch quả: Phương pháp trọng lượng hay thể tích theo TCVN 4326 - 2001

- Vitamin C: theo TCVN 5483 – 1999: Chiết axit ascorbic bằng axit axetic. Sau đó chuẩn độ axit ascorbic bằng 2.6 diclorophenol indophenolat natri.

- Canxi: Dùng mẫu công phá bằng cách hóa tro và sau đó hòa tan bằng $HNO_3$/ Phương pháp chuẩn độ ngược GEDTA/ Sổ tay phân tích – Viện Thổ nhương Nông hóa

- Sắt: Dùng mẫu công phá bằng cách hóa tro và sau đó hòa tan bằng $HNO_3$/ Xác định bằng AAS với ngọn lửa $C_2H_2$/không khí tại bước song 248,3 nm/ Sổ tay phân tích – Viện Thổ nhương Nông hóa

- Magiê: Dùng mẫu công phá bằng cách hóa tro và sau đó hòa tan bằng $HNO_3$/ Phương pháp chuẩn độ EDTA tại pH=10/ Sổ tay phân tích – Viện Thổ nhương Nông hóa

- Phốt pho: Dùng mẫu công phá bằng cách hóa tro và sau đó hòa tan bằng $HNO_3$/ Phương pháp Vanado Molypdat - Phương pháp so màu/ Sổ tay phân tích – Viện Thổ nhương Nông hóa

- Kali: Dùng mẫu công phá bằng cách hóa tro và sau đó hòa tan bằng $HNO_3$/ Phương pháp ngọn lửa quang kế/ Sổ tay phân tích – Viện Thổ nhương Nông hóa

- Natri: Dùng mẫu công phá bằng cách hóa tro và sau đó hòa tan bằng $HNO_3$ /Phương pháp ngọn lửa quang kế/ Sổ tay phân tích – Viện Thổ nhương Nông hóa

**5. Thống kê, xử lý số liệu:**

Để tìm hiểu mối quan hệ giữa các đặc tính đất đai và chất lượng quả nhằm xác định các đặc tính đất cần có để đảm bảo các chỉ tiêu đặc thù về chất lượng quả, chúng tôi sử dụng các phương pháp phân tích:

- Xác định khoảng dao động có các các phương pháp:
  + Ước lượng số trung bình.
  + Ước lượng tỷ lệ.
- Xác định sự sai khác giữa các yếu tố có các phương pháp:
  + So sánh giá trị trung bình.
  + So sánh phương sai.
  + So sánh tỷ lệ.
- Xác định mối quan hệ giữa nông sản và các yếu tố đất đai: Áp dụng phương pháp hồi quy và tương quan tuyến tính đa biến (tương quan nhiều chiều và thống kê mô tả bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng như SPSS, R, WinStat, XLStat).

**6. Xây dựng bản đồ:**

- Sử dụng kỹ thuật GIS với các phần mềm chuyên dụng như ArcGIS 9.3, Mapinfo 10.5, Vertical Mapper để số hóa, chồng xếp, biên tập và lưu trữ các loại bản đồ.

- Các lớp thông tin được xây dựng chi tiết ở tỷ lệ 1:10.000 đối với vùng nghiên cứu trên bản đồ giấy và bản đồ số.

- Xây dựng bản đồ các đặc tính đất đai vùng trồng chôm chôm bằng kỹ thuật GIS qua việc chồng xếp các loại bản đồ đơn tính về các đặc tính đất. Sau đó các tính chất đất đai này được kết hợp, đối chiếu và so sánh với các yêu cầu về đất đai của cây chôm chôm để tìm ra tính thích nghi của chôm chôm Long Khánh đối với đất đai tại các vùng điều tra. Những vùng đất có các tính chất đất nằm trong khoảng yêu cầu là những vùng phù hợp trồng chôm chôm [7]. Để tìm ra và đề xuất định hướng các vùng trồng chôm chôm Long Khánh, tính thích nghi đặc thù của chôm chôm đã xác định được ở trên lại được kết hợp với các yêu cầu về khí hậu của chôm chôm. Từ đó, chúng tôi sẽ xây dựng được bản đồ chỉ dẫn địa lý vùng trồng chôm chôm Long Khánh.

- Xây dựng bản đồ khu vực tương ứng chỉ dẫn địa lý: Kết hợp, đối chiếu, so sánh giữa các yêu cầu về sử dụng đất đai của nông sản và bản đồ chất lượng đất đai, xây dựng bản đồ thích hợp cho nông sản.

| | |
|---|---|
| **19** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước** |

- Kết quả của đề tài sẽ chuyển về cho cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý: UBND tỉnh Đồng Nai và UBND các huyện, Thị xã Long Khánh thuộc vùng CDĐL; Các Sở ngành có liên quan: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; Các Hiệp hội: Hội nông dân, Hội làm vườn, Hợp tác xã,…

- Các hộ dân vùng trồng chôm chôm Long Khánh

- Các tổ chức, cá nhân trồng và kinh doanh, buôn bán chôm chôm Long Khánh.

| | |
|---|---|
| **20** | **Phương án hợp tác quốc tế** (không có) |
| **21** | **Tiến độ thực hiện** |

| | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** (bắt đầu, kết thúc) | **Cá nhân, tổ chức thực hiện*** | **Dự kiến kinh phí (triệu đồng)** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| ***1*** | **Nội dung 1: Điều tra, khảo sát thực địa đến vùng địa danh uy tín Long Khánh, xây dựng kế hoạch chi tiết cho thực hiện dự án** | | **6 tháng (từ tháng 04/2012 – 10/2012)** | | **191,0** |
| | - Công việc 1: Thu thập tài liệu về vùng địa danh, uy tín, chất lượng và giá trị của chôm chôm Long Khánh. | - Tìm hiểu tổng quan phục vụ việc lập kế hoạch triển khai nghiên cứu.<br>- Báo cáo tổng thuật tài liệu kèm theo hệ thống tài liệu thu thập được<br>- Bản dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 59,00<br>Công lao động: 49,00<br>Nguyên vật liệu, năng lượng: 10,00 |
| | - Công việc 2: Điều tra, khảo sát và đánh giá sơ bộ các điều kiện tự nhiên, tác động đến các yếu tố | - Tài liệu điều tra, khảo sát và đánh giá các điều kiện tự nhiên, tác động đến các yếu tố đặc thù về chất lượng chôm | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía | 126,00<br>Công lao động: 93,00<br>Nguyên vật liệu, năng |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | đặc thù về chất lượng chôm chôm Long Khánh. | chôm | | Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | lượng: 13,00<br>Chi khác: 20 |
| | - Công việc 3: Phân tích, xác định sơ bộ đặc điểm về các điều kiện tự nhiên của vùng sản xuất chôm chôm. | - Lựa chọn vùng để triển khai dự án. | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 6,00 gồm Công lao động: 6,00 |
| ***2*** | ***Nội dung 2:*** **Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm** | | 18 tháng<br>(từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2013) | | **1.414,7** |
| | **Công việc 1:** Phân tích, mô tả, xác định các yếu tố đặc thù về các điều kiện tự nhiên, con người vùng nghiên cứu có ảnh hưởng quyết định đến tính đặc thù của sản phẩm chôm chôm | Tài liệu, cơ sở dữ liệu và thuyết minh xác định đặc thù về điều kiện tự nhiên của vùng nghiên cứu. | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 857,30<br>Lao động: 747,80<br>Nguyên vật liệu: 25,00<br>Chi khác: 84,50 |
| | **Công việc 2:** Phân tích, mô tả các yếu tố đặc thù của chôm chôm Long Khánh về chất lượng và cảm quan. | Tài liệu, cơ sở dữ liệu và thuyết minh khoa học xác định đặc thù chất lượng của chôm chôm Long Khánh. | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 354,40<br>Lao động: 320,00<br>Nguyên vật liệu: 6,20<br>Chi khác: 28,20 |
| | **Công việc 3:** Phân tích quan hệ giữa các đặc thù về chất lượng chôm chôm Long Khánh với | Xác định các yếu tố dặc thù về tự nhiên, con người quyết định tới đặc thù của chất lượng | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi | 20,00 gồm Công lao động 20,00 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | các yếu tố tự nhiên. | của chôm chôm Long Khánh | | trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | |
| | **Công việc 4:** Xây dựng bản đồ vùng lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" cho sản phẩm chôm chôm. | - Bản đồ chất lượng đất vùng sản xuất chôm chôm ở tỷ lệ 1:10.000.<br>- Bản đồ vùng lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" ở tỷ lệ 1:10.000. | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 167,00 gồm Công lao động 167,00 |
| | **Công việc 5:** Báo cáo chuyên đề kết quả xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý "Long Khánh". | Xác định các nội dung cần bổ sung, hoàn thiện; Phê duyệt kết quả thực hiện. | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 16,00 gồm Công lao động 16,00 |
| | **Nội dung 3: Đăng ký chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho sản phẩm chôm chôm** | | Tháng 7/2013 đến tháng 4/2014 | | **20,70** |
| | **Công việc 1:** Xây dựng Bản thuyết minh tính đặc thù của chôm chôm Long Khánh | + Mô tả các đặc thù về các điều kiện tự nhiên.<br>+ Mô tả các đặc thù về hình thái, cảm quan và các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của chôm chôm Long Khánh | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa | 14,00 gồm Công lao động: 14,00 |
| | **Công việc 2:** Lập Hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý | Hồ sơ đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu quy định. | | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Đồng Nai | |
| | **Công việc 3:** Nộp và theo đuổi Hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý | Hồ sơ được chấp nhận hợp lệ; Cục SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng | | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ | 6,70<br>Chi khác: |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | ký chỉ dẫn địa lý | | KH&CN Đồng Nai | 6,70 |
| | **Nội dung 4: Xây dựng các điều kiện để quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Long Khánh cho vùng địa lý đã được xác lập quyền** | | Tháng 7/2012 – tháng 2/2014 | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Đồng Nai | **590,44** |
| | **Công việc 1:** Thành lập tổ chức tập thể của các tổ chức, cá nhân canh tác, chế biến, kinh doanh chôm chôm Long Khánh. | - Điều tra, khảo sát, đánh giá về khả năng tham gia tổ chức tập thể của các tổ chức, cá nhân trong vùng địa lý<br>-Thiết kế, xây dựng mô hình tổng thể về tổ chức, cơ chế hoạt động và các nội dung quản lý của Hội<br>- Thiết kế mô hình tổng thể về cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và các nội dung quản lý của Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm | Tháng 7/2012 – tháng 8/2013 | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Đồng Nai | 26,00 bao gồm:<br>Công lao động: 26,00 |
| | **Công việc 2:** Chỉ định cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ” Long Khánh” dùng cho sản phẩm chôm chôm. | - Thiết kế mô hình tổng thể về cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và các nội dung quản lý của Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm | Tháng 1/2013 – tháng 2/2014 | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Đồng Nai | 17,00 bao gồm Công lao động: 17,00 |
| | **Công việc 3:** Xây dựng hệ thống văn bản làm cơ sở cho | - Xây dựng quy trình kỹ thuật chuẩn về canh tác, chế biến, bảo quản chôm chôm Long | Tháng 10/2012 – tháng | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ | 99,5 gồm:<br>Công lao động: |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý: | khánh.<br>- Xây dựng quy chế cấp và quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm chôm chôm mang chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”;<br>- Xây dựng Quy chế trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh” cho các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp đủ điều kiện và có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý.<br>- Xây dựng Quy chế quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý và Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm chôm chôm Long Khánh. | 8/2013 | KH&CN Đồng Nai | 99,5 |
| | **Công việc 4:** Xây dựng hệ thống các phương tiện quảng bá, phát triển giá trị chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”: | - Thiết kế hệ thống tem, nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm để sử dụng cho những sản phẩm đủ điều kiện mang chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”;<br>- Thiết kế hệ thống tờ rơi, panô quảng cáo, gian hàng tiêu chuẩn, website và các phương tiện quảng bá khác nhằm sử dụng nhằm giới thiệu, quảng bá và thương mại hoá sản | Tháng 10/2012 – tháng 8/2013 | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Đồng Nai | 239,6 gồm:<br>Công lao động:<br>239,6 |
| | **Công việc 5:** Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về chỉ dẫn địa lý: | -Tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo cho Lãnh đạo và các cán bộ quản lý của tổ chức tập thể về phương thức tổ chức, thực hiện các chức | Tháng 4/2013 – tháng 2/2014 | Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Đồng Nai | 208,34<br>Công lao động: 7,0<br>Chi khác:<br>201,34 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | năng, nhiệm vụ của tổ chức,<br>- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ thuộc Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Cơ quan kiểm soát chất lượng chôm chôm Long Khánh về cách thức quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý<br>- Tổ chức tập huấn các quy trình kỹ thuật canh tác, chế biến, bảo quản chôm chôm Long Khánh đã được chuẩn hóa cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.<br>- Tham quan mô hình sản phẩm chỉ dẫn đại lý tại Bình Thuận, Ninh Thuận, Bắc Kạn | | | |
| | **Nội dung 5: Tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện đề tài** | | Tháng 12/2013 – tháng 3/2014 | | **67,30** |
| | **Công việc 1:** Viết Báo cáo kết qủa thực hiện đề tài | Xây dựng chi tiết báo cáo, viết báo cáo theo bố cục quy định | | Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam – Viện Thổ nhưỡng Nông hóa<br>... | 37,00<br>Lao động: 20,00<br>Chi khác: 17,00 |
| | **Công việc 2:** Báo cáo kết quả thực hiện đề tài | | | | 15,30<br>Chi khác: 15,30 |
| | + Bảo vệ cơ sở | Bảo vệ cấp cơ sở xin ý kiến góp ý hội đồng khoa học | | | |
| | + Bảo vệ chính thức | Báo cáo kết quả đạt | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | được, đạt trình độ khoa học | | | |
| | **Công việc 3:** In ấn, phát hành tài liệu báo cáo kết quả thực hiện | In ấn tất cả tài liệu sau khi được Hội đồng góp ý | | | 15,00 gồm thuê khoán: 15,00 |
| | **Nội dung khác** | | | | **91,45** |
| | (Quản lý nhiệm vụ, Xây dựng thuyết minh, thù lao chủ nhiệm) | | | | Chi khác: 56,00 |
| | Chi hoạt động phục vụ công tác cơ quan quản lý | Tư vấn xét duyệt đề cương, thẩm định tài chính, kiểm tra thực tế, tư vấn đánh giá nghiệm thu giữa kỳ, sơ kết, chính thức | | | 35,45 |

** Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12*

## III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

| **22** | **Sản phẩm KH&CN chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)* |
|---|---|

**Dạng I:** Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;

| **Số TT** | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Cần đạt** | **Mẫu tương tự** (theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | |
| | | | | **Trong nước** | **Thế giới** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

**22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước**

**và nước ngoài** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....

.....

.....

.....

.....

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

| TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học cần đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| ***1*** | Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát xác định vùng chỉ dẫn địa lý chôm chôm Long Khánh | - Hồ sơ khảo sát tổng quan tình hình sản xuất, sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm<br>- Hồ sơ xác định vùng chỉ dẫn địa lý của chôm chôm Long Khánh<br>- Các tài liệu, số liệu và các kết quả nghiên cứu chôm chôm Long Khánh và vùng chỉ dẫn địa lý chôm chôm Long Khánh | Báo cáo |
| 2 | Tài liệu, cơ sở dự liệu và báo cáo kết quả xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý. | - Tài liệu, số liệu chứng minh đặc thù về hình thái, cảm quan và chất lượng của chôm chôm Long Khánh.<br>- Tài liệu, số liệu xác định đặc thù về điều kiện tự nhiên ảnh hưởng quyết định đến chất lượng chôm chôm Long Khánh.<br>- Căn cứ, phương pháp xây dựng bản đồ vùng lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" cho sản phẩm chôm chôm. | Bộ dữ liệu |
| 3 | Bản đồ vủng lãnh thổ tương ứng với chi dẫn địa lý "Long Khánh" | - Bản đồ địa giới hành chính, địa hình và phân bố của cây chôm chôm torng vùng nghiên cứu.<br>- Bản đồ lãnh thổ tương ứng sản phẩm chôm chôm Long Khánh ở tỉ lệ 1:10.000 | Bộ Bản đố |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | - Bản đồ chất lượng đất vùng nghiên cứu ở tỉ lệ 1:10.000<br>- Bản đồ vủng trồng chôm chôm đáp ứng điều kiện đảm bảo tính đặc thù của chôm chôm Long Khánh ở tỉ lệ 1:10.000 trong vùng nghiên cứu. (dạng số hóa) | |
| 4 | Hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý chôm chôm Long Khánh | Hồ sơ đơn theo quy định pháp luật: Tờ khai, Thuyết minh, Bản đồ và các tài liệu phụ trợ khác. | Bộ |
| 5 | Kết quả nộp Hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý | Phiếu biên nhận đơn; Thông báo chấp nhận đơn; Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý | Bộ |
| 6 | Điều lệ Hội sản xuất và kinh doanh chôm chôm | Đạt yêu cầu về qui phạm pháp lý và sát thực với thực tế. | Bộ |
| 7 | - Xây dựng quy trình kỹ thuật chuẩn về canh tác, chế biến, bảo quản chôm chôm Long khánh.<br>- Xây dựng quy chế cấp và quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm chôm chôm mang chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh”; | Đạt yêu cầu về qui phạm thực hành và dễ hiểu đối với thông tin chuyển giao và ứng dụng. | Bộ |
| 8 | - Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý<br>- Xây dựng Quy chế trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý ”Long Khánh” cho các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp đủ điều kiện và có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý.<br>- Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm chôm chôm Long Khánh.. | Đạt yêu cầu về qui phạm thực hành và dễ hiểu đối với thông tin chuyển giao và ứng dụng. | Bộ |
| 9 | Hệ thống tem nhãn, bao bì sản phẩm, phương tiện giới thiệu, quảng bá cho chỉ dẫn địa lý “Long | - Lô gô; nhãn sản phẩm; bao bì đựng sản phẩm; tờ rơi; chương trình quảng cáo; quầy giới thiệu và bán sản phẩm được thiết kế, nghiệm thu và SXTN | Bộ |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Khánh" đối với sản phẩm chôm chôm. | | |
| 10 | Báo cáo Tổng kết đề tài, báo cáo tóm tắt đề tài" xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý "Long Khánh". | Báo cáo khoa học đáp ứng các yêu cầu đã xác định và được hội đồng khoa học thông qua. | 11 Bộ |

**Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** (Tạp chí, Nhà xuất bản) | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | | 3 | 4 |
| | | | | |
| | | | | |

**22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....

.....

.....

.....

**22.3 Kết quả tham gia đào tạo trên đại học**

| **Số TT** | **Cấp đào tạo** | **Số lượng** | **Chuyên ngành đào tạo** | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|---|
| | **Thạc sỹ** | | | |
| | **Tiến sỹ** | | | |

**22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**

- Hồ sơ xin đăng bạ chỉ dẫn địa lý "Long Khánh" cho sản phẩm chôm chôm
- Hệ thống logo, tem, nhãn

**23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

**23.1 Khả năng về thị trường**

Theo các kết quả thực tế trên thế giới và ở Việt Nam thì việc xây dựng chỉ dẫn địa lý sẽ giúp tăng giá trị thương phẩm. Về mặt lý thuyết, tính cạnh tranh của nông sản sẽ tăng lên khi được chỉ dẫn địa lý.

- Chỉ dẫn địa lý sẽ giúp tăng giá bán lẻ các sản phẩm, phân bổ giá trị tốt hơn, từ đó thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Bảo hộ chỉ dẫn địa lý thể hiện rõ các giá trị:

+ Sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý chiếm thị phần quan trọng trên thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Chỉ dẫn địa lý làm tăng sản lượng, doanh số bán sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu sản phẩm.

+ Chỉ dẫn địa lý làm tăng giá trị kinh tế cho sản phẩm. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy giá bán sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cao hơn nhiều so với sản phẩm cùng loại không được bảo hộ.

**23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh**

Sản phẩm cuối cùng của đề tài là bộ hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chôm chôm Long Khánh được nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm chôm chôm Long Khánh so với các sản phẩm chôm chôm cùng loại mà còn góp phần tăng giá mua, bán chôm chôm cũng như góp phần nâng cao năng suất, chất lượng của chôm chôm thông qua việc trình độ nhận thức của nhà quản lý, người trồng chôm chôm được nâng cao.

**23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu**

Đề tài tạo cầu nối gắn kết giữa người trồng chôm chôm – nhà quản lý (Sở, Ban ngành ở tỉnh và địa phương) – thương nhân (các tổ chức, cá nhân kinh doanh, mua bán chôm chôm ở trong và ngoài tỉnh Đồng Nai) và Hội (Hội Nông dân tỉnh, huyện, Hội làm vườn, …) tạo thành một khối khép kín từ đầu vào đến đầu ra. Người trồng chôm chôm không phải lo lắng vì không có kênh tiêu thụ đầu ra, còn người buôn bán chôm chôm thì thu lợi nhiều từ uy tín, chất lượng của sản phẩm mình cung cấp cho thị trường.

**23.4 Mô tả phương thức chuyển giao**

- Quyết định bàn giao. Tổ chức lễ trao giấy chứng nhận CDĐL.

- Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ quản lý và người trồng chôm chôm ở địa phương: Trong qúa trình thực hiện đề tài các cán bộ tham gia thực hiện đề tài, các cán bộ quản lý ở địa phương và người trồng chôm chôm được đào tạo nâng cao trình độ hiểu biết, năng lực quản lý, sản xuất, trồng trọt thông qua lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ, về trồng trọt và quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý. Tập huấn kỹ thuật trồng chăm sóc chôm chôm cho nông dân có tham gia cũng như nông dân trong vùng thực hiện dự án.

- Hội Làm vườn và Câu lạc bộ năng suất cao ở địa phương sẽ là những hạt nhân của việc

cung cấp thông tin, những thông tin khoa học kỹ thuật mới cho việc trồng, chăm sóc và bảo quản chôm chôm.

- Tủ sách để nông dân trong vùng đến đọc và học tập qui trình trồng, chăm sóc và sử dụng chỉ dẫn địa lý trên trái chôm chôm. Tủ sách này sẽ được đặt ở các Câu lạc bộ năng suất cao hay các điểm thông tin gần nhất ở địa phương để nông dân trong vùng đến học tập, tham khảo.

- Các sản phẩm của đề tài như Bộ bản đồ xác định phạm vi địa phương tương ứng với chỉ dẫn địa lý "Long Khánh", Bộ Quy chế quản lý việc sử dụng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Long Khánh", Bộ Quy chế canh tác, bảo quản chôm chôm Long Khánh, Bộ qui trình kiểm soát, xác nhận chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Long Khánh", Bản đồ vùng chỉ dẫn địa lý chôm chôm, danh sách các hộ trồng chôm chôm được sử dụng chỉ dẫn địa lý sẽ được in thành các tài liệu như sách, tài liệu hướng dẫn, CD, … để cung cấp cho các Câu lạc bộ, Trung tâm học tập Cộng đồng, Trạm thông tin tại các xã trên địa bàn vùng nghiên cứu để nông dân có thể đến học tập, tham khảo trực tiếp.

- Thông qua hội thảo, hội nghị, tập huấn để giới thiệu với các khách hàng về trái cây chất lượng và an toàn của địa phương – chôm chôm Long Khánh.

**24 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của Đề tài**

- Kết quả của đề tài sẽ chuyển về cho cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý: UBND tỉnh Đồng Nai và UBND các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thị xã Long Khánh, thuộc vùng CDĐL; Các Sở ngành có liên quan: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; Các Hiệp hội: Hội nông dân, Hội làm vườn, Hợp tác xã,…

- Các hộ dân vùng trồng chôm chôm Long Khánh

- Các tổ chức, cá nhân trồng và kinh doanh, buôn bán chôm chôm Long Khánh.

**25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

***25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan***

- Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được giúp địa phương xác lập được quyền sở hữu trí tuệ về chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chôm chôm góp phần bảo vệ, nâng cao uy tín, giá trị thương phẩm của chôm chôm Long Khánh, tạo hiệu ứng dây chuyền trong việc xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng và kinh tế của địa phương.

- Tăng sức cạnh tranh của trái cây Việt Nam nói chung và trái chôm chôm Long Khánh nói riêng, góp phần giải quyết đầu ra, góp phần tạo thị trường tiêu thụ ổn định sản phẩm trái cây hàng hóa trong nước và tiềm năng mở rộng xuất khẩu.

- Các sản phẩm của đề tài như Bộ bản đồ xác định phạm vi địa phương tương ứng với chỉ dẫn địa lý "Long Khánh", Bộ Quy chế quản lý việc sử dụng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Long Khánh", Bộ Quy chế canh tác, bảo quản chôm chôm Long Khánh, Bộ qui trình

kiểm soát, xác nhận chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Long Khánh", Bản đồ vùng chỉ dẫn địa lý chôm chôm, danh sách các hộ trồng chôm chôm được sử dụng chỉ dẫn địa lý góp phần tạo cơ sở pháp lý, căn cứ giúp địa phương, đơn vị quản lý tốt việc thu hái, buôn bán sản phẩm chôm chôm được gắn chỉ dẫn địa lý "Long Khánh"; hạn chế, xóa bỏ hoàn toàn việc thu hái sớm, mua bán các sản phẩm kém chất lượng mang thương hiệu Long Khánh, góp phần làm ổn định và tăng cường uy tín, chất lượng vốn sẵn từ lâu đời của chôm chôm Long Khánh.

- Lựa chọn vùng bảo hộ sản phẩm đã được sản xuất hoặc có khả năng sản xuất với quy mô lớn (về quy mô tổng thể của vùng, đơn vị/ hộ), sản phẩm sản xuất ra phải được thương mại hoá (thị trường và khả năng tiêu thụ).

- Có thể chứng minh được tính đặc thù của sản phẩm so với các loại sản phẩm cùng loại ở các địa phương khác, thông qua việc nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn (về đất đai, khí hậu, con người và mối quan hệ giữa chúng).

- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ phù hợp đảm bảo được chất lượng quả và đáp ứng được mục tiêu đề ra.

***25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu***

- Nâng cao năng lực nghiên cứu trong nghiên cứu và đề ra cơ sở lý luận xác định đặc thù vùng trồng chôm chôm "Long Khánh".

- Tập hợp đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm, dễ dàng chuyển giao quy trình thực hiện, hướng dẫn cho người dân.

- Các cơ sở ứng dụng kết quả dễ dàng quy hoạch vùng canh tác, quản lý quy trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chôm chôm "Long Khánh".

- Quảng bá danh tiếng của sản phẩm, nâng cao giá trị thương hiệu và cải thiện thu nhập cho nhà vườn.

- Đề tài góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức của các cán bộ quản lý ở địa phương và người dân vùng trồng chôm chôm về việc giữa gìn uy tín, chất lượng, thương hiệu của chôm chôm Long Khánh.

***25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường***

**- Hiệu quả kinh tế**

Khẳng định được nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm, chỉ rõ tính chất và chất lượng đặc thù của quả chôm chôm được trồng trên đất Đồng Nai khác với tất cả các loại chôm chôm trồng ở các địa phương khác. Đây là cơ hội thuận lợi, phát huy lợi thế cạnh tranh để làm tăng

giá trị kinh tế cho người dân trồng chôm chôm của vùng.

Mặt khác, đây cũng là cơ hội đẩy mạnh sự phát triển các ngành kinh tế khác như công nghiệp chế biến, du lịch sinh thái miệt vườn, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và cuối cùng là làm tăng thu nhập cho nhân dân địa phương.

**- Hiệu quả về mặt xã hội**

Chỉ dẫn địa lý là căn cứ pháp lý quan trọng và lâu dài, góp phần làm tăng giá trị tích luỹ và phát triển cho thương hiệu chôm chôm Long Khánh.

Đồng thời, giữ gìn và phát triển một loại sản phẩm truyền thống, bảo tồn và tôn vinh nét đẹp văn hoá truyền thống nông nghiệp của vườn chôm chôm vùng đất Long Khánh – Đồng Nai

Mặt khác, sự bảo hộ này còn đóng góp vào việc nâng cao hình ảnh quốc gia của Việt Nam trong quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới.